

Chánh Nghĩa, ngày 25 tháng 09 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Năm học: 2024-2025

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ vào Kế hoạch số 152/KH-MNTX ngày 24/09/2024 của trường Mầm Non Tuổi Xanh về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, bộ phận chuyên môn của trường Mầm Non Tuổi Xanh xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

A/ PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

I. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Nhân sự	Tổng số	Nữ
Tổng số cán bộ, nhân viên, giáo viên	38	36
* Số đảng viên	13	13
Chia ra: ĐV là giáo viên	9	9
ĐV là CBQL	3	3
ĐV là nhân viên	1	1
* Giáo viên	22	22
Số giáo viên chia theo tiêu chuẩn đào tạo		
Chia ra: - Trên chuẩn	15	15
- Đạt chuẩn	4	4
- Chưa đạt chuẩn	3	3
* Tham gia BDTX	22	22

Số giáo viên chia theo trình độ đào tạo	22	22
Chia ra: - Trung cấp	3	3
- Cao đẳng	4	4
- Đại học	15	15
* Số giáo viên chia theo nhóm tuổi		
Chia ra: - Dưới 30	6	6
- Từ 31-35	6	6
- Từ 36-40	4	4
- Từ 41-45	3	3
- Từ 46-56	3	3
* Cán bộ quản lý	3	3
Tổng số	3	3
Chia ra: - Hiệu trưởng	1	1
- Phó hiệu trưởng	2	2
Trình độ đào tạo Hiệu trưởng		
- Đại học	1	1
Trình độ đào tạo Phó hiệu trưởng		
- Trên đại học	1	1
- Đại học	1	1

II. TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

S T T	Họ và tên	Năm sinh	Ngày vào ngành	Chức vụ	TRÌNH ĐỘ				TUỔI		ĐOÀN THỂ			Đang theo học các lớp chuẩn hóa, nâng cao TĐCM (Nếu có)
					VH	CM	AV	VT	Tuổi đời	Tuổi nghề	Đảng	Đoàn TN	Công Đoàn	
1	Nguyễn Mỹ Duyên	1984	1/10/2005	HT	12/12	ĐH	B	B	40	19	X		X	
2	Nguyễn Ngọc Lan	1989	1/9/2011	PHT	12/12	ĐH	B2	B	35	13	X		P.CTC Đ	
3	Phan Thị Ngọc Yến	1988	1/9/2014	PHT	12/12	ĐH	B	B	36	10	X		X	
4	Hoàng Bảo Trâm	1993	1/9//2017	GV	11/12	9+3	A	A	31	7			X	ĐH
5	Ng Thị Thuận Hiền	1994	1/09/2017	GV	12/12	TC	B	B	30	7	X	X	X	ĐH
6	Huỳnh T. Linh Hồng	1993	1/09/2017	GV	12/12	ĐH	B	NC	31	7	X	X	X	
7	Nguyễn Thị Tuyết	1994	1/09/2013	TTCM	10/12	9+3	B	NC	30	11	X	X	X	ĐH
8	Ng Thị Ngọc Mai	1997	1/09/2020	TPCM	12/12	ĐH	B1	NC	27	4	X	X	X	
9	Nguyễn Ngọc Hoa	1968	1/9/1996	GV	12/12	ĐH	A	NC	56	28			X	
10	Vũ Thị Thu Hà	1979	01/9/2013	GV	12/12	CĐ	B	NC	45	11			CTCĐ	ĐH
11	Giang Ngọc An Xuyên	1992	8/2014	TTCM	12/12	ĐH	B	A	32	10	X		X	
12	Huỳnh T Tuyết Nga	1968	17/7/1986	GV	12/12	ĐH	B	B	56	38	X		TTND	
13	Ng Thị Tuyết Trinh	1992	01/9/2013	GV	12/12	CĐ	A	A	32	11	X		X	
14	Phạm Thị Thu Thảo	1995	1/09/2017	GV	12/12	ĐH	B	B	29	7	X	X	X	
15	Võ Thị Bích Liễu	1980	01/10/2023	TTCM	12/12	ĐH	B	CB	44	1			X	
16	Lê Thị Hợp	1989	01/10/2023	GV	12/12	CĐ	A	A	35	1			X	
17	Võ Thị Thắm	1997	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	B	NC	27	0		BTCĐ	X	
18	Trần Yến Nhi	1997	01/09/2024	GV	12/12	CĐ	A2	CB	27	0		X	X	
19	Nguyễn Thị Huệ	1987	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	B	CB	37	0	X		X	
20	Phạm Thị Ngọc	1985	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	A2	CB	39	0			X	
21	Ng Thị Thùy Linh	1998	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	B1	A	26	0		X	X	
22	Ng Ngọc Huyền Linh	1986	01/09/2024	TPCM	12/12	ĐH	B	B	38	0			X	
23	Hồ Thị Ngọc Thảo	1983	01/09/2024	TPCM	12/12	ĐH	B	A	41	0			X	
24	Nguyễn Ngọc Hiếu	1985	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	B	A	39	0			X	
25	Ng Nhật Thảo Uyên	1992	01/09/2024	GV	12/12	ĐH	A	B	32	0		X	X	

III. QUY MÔ LỚP HỌC

KHỐI LỚP	NHÓM LỚP	HỌC SINH	NỮ
Nhà trẻ (25-36 tháng)	01	22	13
Mầm	02	64	25
Chồi	03	92	50
Lá	04	138	77
TỔNG CỘNG	10	316	165

B/ PHẦN 2: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ NHÀ TRẺ (4 lĩnh vực)

1.1. Nhóm 25 – 36 tháng tuổi:

a/ Phát triển thể chất:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

b/ Phát triển nhận thức:

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu hỏi đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

c/ Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

d/ Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRẺ MẪU GIÁO (5 lĩnh vực)

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

a/ Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

b/ Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

c/ Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

d/ Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

e/ Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ

1. NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi

LĨNH VỰC	SỐ TT MT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp, tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	* Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản
	3	- Trẻ biết đi theo hiệu lệnh vật chuẩn, đi trong đường hẹp có 2 đường thẳng song song, đi theo đường ngoằn ngoèo dài 3m -4m, rộng 25 – 30cm đi đều bước, đi đều bước có cầm vật. Trẻ biết chạy theo hướng thẳng và đổi hướng	* Tập đi, chạy: - Chạy theo hướng thẳng. - Đi bước qua gậy kê cao 5cm. - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Cháu biết đi chạy làm theo người dẫn đầu. - Chạy theo tốc độ chậm, nhanh, chậm dần theo hiệu lệnh. - Chạy đổi hướng theo cô (2 – 3 hướng)
	4	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo	* Tập đi, chạy, đứng thăng bằng - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân.

	cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay.	- Chạy có mang vật trên tay - Chạy trong đường hẹp có mang vật trên tay.
5	- Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để nhún bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ bằng hai chân về phía trước.	* Tập nhún bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ.
6	- Biết tung, ném, bắt cùng cô. Phát triển sự phối hợp của mắt và tay	* Tập tung, ném, bắt: - Tung – bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng hai tay qua dây (cao 80 – 100cm)
7	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	* Ném: - Ném bóng về phía trước - Ném bóng qua dây - Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay). - Ném bóng vào đích (đích xa 70 - 100cm) - Ném bóng vào đích xa 1 – 1,2 m - Ném xa lên phía trước bằng một tay tối thiểu 1,5m.
8	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện các cử động.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
9	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
10	- Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian.	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
11	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.

12	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Cháu biết ăn từ tốn, nhai kỹ - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Cháu không uống nước lã
13	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
14	- Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
15	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, có một số thói quen tốt giữ cơ thể sạch sẽ.	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày. - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.
16	- Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình.	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
17	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt	- Ăn chín, uống sôi; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Bỏ rác đúng nơi quy định.
18	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Cháu biết thực hiện thao tác súc miệng lau mặt - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.
19	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- Cháu biết cầm muống đúng cách, ngồi ăn ngay ngắn, xúc ăn gọn gàng
20	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản.	- Dọn chén, muống, ly sau khi ăn, uống - Lấy cất đồ chơi, đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định

21	- Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới.	- Nhận biết được các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau, thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
22	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Châu biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
23	- Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá và không chơi những nơi nguy hiểm.	- Nhận biết được những nơi nguy hiểm. - Không chơi ở những nơi nguy hiểm: bếp, lan can, cầu thang. - Không nghịch phá các con vật và không lại gần các con thú dữ, không chọc phá chúng. - Không trèo cây, leo trèo chạy nhanh. - Không chơi ở lòng đường xe chạy - Không chơi ở gần sông, ao hồ, khi đi thuyền, tàu phải ngồi ngay ngắn. - Không chơi ở gần đường sắt, khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn.
24	- Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh.	- Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh.
25	- Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước... - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
26	- Tự súc miệng, lau mặt	- Châu biết thực hiện thao tác vệ sinh
27	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không chạy chơi trên lòng đường - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn

	28	- Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	- Xâu được các đồ vật, đồ chơi, con vật, các loại hoa, quả, rau và phương tiện giao thông vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	29	- Một số bộ phận của cơ thể con người	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
	30	- Trẻ biết về bản thân và những người gần gũi.	- Tên gọi và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
	31	- Trẻ biết về tên trường, tên lớp. Các hoạt động trong ngày ở lớp	- Tên trường, tên lớp, một số hoạt động trong trường mầm non.
	32	- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
	33	- Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua)
	34	- Tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen

			thuộc.
35	- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to-nhỏ. - Hình tròn-hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên -dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.	
36	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Cháu thích đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu	
37	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Số lượng một - nhiều - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp	
38	- Bản thân, người gần gũi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp.	
39	- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.	
40	- Nói rõ lời để người nghe có thể hiểu được.	- Cháu biết phát âm rõ lời. - Cháu biết trò chuyện cho người nghe hiểu	
41	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động trong sinh hoạt hàng ngày.	- Cháu biết sử dụng các từ chỉ hành động: Đi, chạy, nhảy, cầm, nắm... - Cháu biết các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...	
42	- Sử dụng các từ như dạ thưa, xin chào, mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi	- Cháu biết chào hỏi, tạm biệt, biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.	

		trong giao tiếp.	
43	- Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.	
44	- Một số loại hoa đặc điểm, môi trường sống, lợi ích	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết - Nhận biết được các loại hoa có gai, có mủ độc.	
45	- Một số loại quả đặc điểm, môi trường sống, lợi ích	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại quả - Nhận biết được các loại quả không ăn được.	
46	- Một số loại rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích...	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các rau củ quen thuộc. - Nhận biết được các loại rau không ăn được	
47	- Một số phương tiện giao thông đường bộ và một số luật lệ giao thông đơn giản.	-Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... -Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường bộ.	
48	- Một số phương tiện giao thông đường thủy và một số luật lệ giao thông đơn giản.	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe...	
49	- Một số phương tiện giao thông đường đường sắt, đường hàng không và một số luật lệ giao thông đơn	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hỏa...	

		giản.	
	50	- Lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ.
	51	- Chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình	Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn
	52	- Chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con thú sống trong rừng	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, khỉ, hổ...
	53	- Chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật sống dưới nước	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc...
	54	- Chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật có cánh biết bay.	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...
	55	- Điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo.	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	56	- Nghe và thực hiện theo yêu cầu của cô. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn
	57	- Nghe lời nói với sắc thái	- Trẻ biết chú ý lắng nghe và cảm

		<i>tình cảm khác nhau.</i>	<i>nhận thông qua một số biểu cảm gương mặt, lời nói.</i>
58	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		- Trẻ biết lắng nghe và thực hiện yêu cầu theo khả năng.
59	- Sử dụng một số từ quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
60	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ.		- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm các âm khác nhau. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. - Trả lời và đặt câu hỏi: <i>cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?</i>
61	- Đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề biết kể chuyện cùng cô.		- Các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về gia đình, đồ dùng, đồ chơi và trường lớp mầm non
62	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.		- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
63	- Diễn đạt câu ngắn, câu dài.		- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1,2 câu đơn giản và câu dài, kết hợp với cử chỉ.
64	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô.		- Biết trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3,4 tiếng. - Kể lại các đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
65	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số rau mà trẻ biết		- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...

66	<i>Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa mà trẻ biết</i>	<i>-Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết.</i>
67	<i>Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số quả mà trẻ biết</i>	<i>Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho. cam, dưa hấu, mận, đu đủ...</i>
68	- Hỏi lại khi không hiểu người khác nói	- Cháu biết đặt câu hỏi để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
69	- Biết diễn đạt câu ngắn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, trả lời được các câu hỏi của cô, phát âm rõ.	- Trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu về tên gọi, đặc điểm của các loại hoa, quả, rau củ.
70	- Làm quen với sách qua sự hướng dẫn của cô.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
71	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông đường bộ	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
72	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông đường sắt, đường hàng không	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hỏa, máy bay...
73	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông đường thủy	-Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thủy, ghe...
74	- Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của mùa hè, lớp mẫu giáo ...
75	- Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn, nắm được nội dung chuyện và biết kể lại.	- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh họa động tác theo nội dung chuyện - Trẻ đọc thuộc cả bài thơ , hát thuộc bài hát , biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn

			câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.
	76	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	77	- Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	78	- Biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
	79	- <i>Trẻ biết ý thức về bản thân</i>	- Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn. - <i>Nhận biết một số đặc điểm bên ngoài bản thân.</i> - <i>Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.</i> - <i>Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.</i>
	80	- <i>Thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</i>	- <i>Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi. Không tranh giành đồ chơi với bạn.</i> - <i>Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.</i> - <i>Quan tâm đến các vật nuôi.</i>
	81	- <i>Một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.</i>	- <i>Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.</i> - <i>Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.</i>
	82	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
	83	- Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Biết yêu quý vật nuôi, không chọc phá chúng
	84	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên

85	- Không nghịch phá bạn, chơi xong cất đúng qui định.	Cháu biết chơi cùng bạn , biết cất đồ chơi đúng nơi quy định
86	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
87	- Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xả rác, bỏ rác đúng nơi quy định.
88	- Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch.	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản
89	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
90	- Biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi. bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Gọi tên, bắt chước tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, gần gũi.
91	- Trẻ thể hiện hành vi ứng xử văn minh của xã hội.	- Cháu biết chơi vui vẻ, hòa thuận với bạn. Biết chia sẻ và chơi đồ chơi cùng bạn. Biết dạ thưa với người lớn - Cháu biết lắng nghe cô và bạn nói
92	- Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
93	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế em, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...)	- Chơi trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại. - Trò chuyện với em khi cho em ăn, chơi với em.
94	- Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.

95	- Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
96	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Cháu biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi và giải thích.
97	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Cháu biết sở thích, khả năng của bản thân: Nói được điều bé thích, không thích.
98	- Chú ý nghe, tỏ ra thích thú các bài hát, bản nhạc.	- Cháu biết nghe hát và vận động theo nhạc (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát. - Cháu biết nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc không lời...)
99	- <i>Vẽ những nét đơn giản (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).</i>	<i>Thực hiện được các yêu cầu của cô: vẽ các đường nét khác nhau, di màu</i> <i>Xem tranh.</i> <i>- Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn</i>
100	- <i>Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.</i>	<i>- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.</i> <i>- Xem tranh.</i> <i>- Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn</i>
101	- <i>Dán để tạo thành bức tranh</i>	<i>Thực hiện được các yêu cầu của cô xé dán đơn giản</i> <i>Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn</i>
102	- <i>Biết tạo ra sản phẩm từ hoa và cây</i>	<i>- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu quả, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán...</i>
103	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo cô)	- Cháu vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Cháu biết vỗ tay theo cô khi nghe bài hát

	104	- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
	105	- Dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	- Cháu biết thoa hồ và dán các hình ảnh để tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục cân đối.

2. MẪU GIÁO

2.1. Khởi mào

LĨNH VỰC	SỐ TT MT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	a) Phát triển vận động		
	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Cháu thực hiện các động tác đúng nhịp.
	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
	2	+ Đi - Đi ngang bước dồn - Đi kiễng gót - Đi trong đường hẹp theo trò chơi “Đàn chuột con” Đi trong đường hẹp theo trò chơi "Tàu hỏa" - Đi theo cô giáo, làm theo người dẫn đầu.	- Cháu biết cách đi ngang bước dồn. - Cháu biết kiễng chân khi đi. - Cháu biết đi trong đường hẹp theo trò chơi. - Cháu biết đi chạy làm theo người dẫn đầu, cô giáo
	3	- Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy được 15m theo hướng thẳng. - Chạy chậm 60m - Chạy chậm - Chạy nhanh 10-15m - Chạy theo trò chơi “Tín hiệu”	- Cháu biết chạy theo sự hướng dẫn của cô theo hiệu lệnh. - Cháu có sự khéo léo trong bài tập chạy 15m theo hướng thẳng - Cháu biết cách chạy chậm 60m - Cháu biết phối hợp tay chân để chạy chậm. - Cháu biết phối hợp tay, chân và mắt để thực hiện vận động chạy nhanh 10m - 15m. - Cháu biết chạy theo hiệu lệnh

			của cô theo trò chơi chơi và hiểu cách chơi luật chơi.
4	- Chuyển bóng phải, trái theo trò chơi “Chuyển bóng”	- Cháu biết cách "Chuyển bóng" (Phải - trái) theo đúng yêu cầu.	
5	- Lăn bóng theo từng đội. - Lăn bóng theo trò chơi: “Cho bạn cho tôi”	- Cháu biết: Lăn bóng theo từng đội - Cháu biết thực hiện hiện được kỹ năng Lăn bóng theo trò chơi "Cho bạn cho tôi"	
6	- Bài tập tổng hợp: Chạy - Ném	- Cháu biết thể hiện nhanh mạnh để thực hiện bài tổng hợp: Chạy - ném.	
7	- Bật tiến về phía trước	- Cháu biết dùng chân để bật tiến về phía trước.	
8	- Bật xa 25 - 30 cm - Bật xa theo trò chơi " Nhảy qua suối"	- Cháu biết: thực hiện đúng động tác Bật xa 25 - 30 cm theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết bật xa theo trò chơi " Nhảy qua suối"	
9	- Bật tại chỗ theo trò chơi “Nhảy cao như bóng nảy”	- Cháu biết thực hiện vận động bật tại chỗ theo trò chơi "Nhảy cao như bóng nảy"	
10	- Bật sâu 20cm - Bật sâu 15 cm	- Cháu biết phối hợp tay chân thực hiện động tác Bật sâu“20cm”theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết phối hợp tay chân thực hiện động tác Bật sâu“15 cm”theo sự hướng dẫn của cô.	
11	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn về phía trước - Trườn sấp	- Cháu biết cách trườn theo hướng thẳng. - Cháu biết phối hợp tay chân để trườn về phía trước. - Cháu biết cách trườn sấp theo sự hướng dẫn của cô.	
12	- Biết phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bóng lên cao và bắt.	- Cháu biết phối hợp tay mắt để tung bóng lên cao và bắt.	
13	- Leo thang	- Cháu biết dùng tay để vịn và phối tay, chân và mắt để thực	

		hiện động tác leo thang.
14	- Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích (Đích thẳng đứng) - Ném trúng đích theo trò chơi “Cho cá ăn”	- Cháu biết ném trúng đích bằng 1 tay theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết cách ném trúng đích thẳng đứng. - Cháu biết cách ném trúng đích theo trò chơi “Cho cá ăn”
15	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng hai tay - Ném xa bằng một tay theo trò chơi “Ném qua dây” - Ném xa và chạy theo nhật bóng theo hướng dẫn.	- Cháu thực hiện được động tác Ném xa bằng 1 tay theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu thực hiện được động tác Ném xa bằng 2 tay theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, biết phối hợp tay và mắt khi thực hiện động tác ném xa qua dây. - Cháu biết thực hiện động tác ném xa và chạy theo nhật bóng đúng thao tác.
16	- Bò bằng bàn tay và cẳng chân - Bò đích dắc - Bò chạy theo trò chơi “Đàn chuột con” - Bò theo trò chơi “Gấu và ong”	- Cháu biết bò bằng bàn tay và cẳng chân. - Cháu biết bò đích dắc theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết bò chạy theo trò chơi “Đàn chuột con” - Cháu biết cách bò theo trò chơi “Gấu và ong” theo sự hướng dẫn của cô.
17	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: bò - chui	- Cháu biết cách tập bài tập tổng hợp bò chui.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.		
18	- Thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay + Gập mở các ngón tay	- Cháu biết múa cuộn cổ tay. - Cháu biết vo, xoáy, xoắn, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Cháu biết cách gập mở các ngón tay khi gập giấy.
19	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt	- Cháu biết tô, vẽ hình người, nhà, cây, hoa, con vật...

	trong hoạt động: Vẽ, xé, cắt dán, lắp ghép.	- Cháu biết vẽ được hình tròn theo mẫu - Cháu biết cách xé dán theo đường thẳng, xé thành dải - Cháu biết cắt thẳng được một đoạn 10cm - Cháu biết cách xây dựng, lắp ráp với 8-10 khối
20	- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày và đi giày dép và gấp quần áo.	- Cháu biết cách cài, cởi cúc, xâu, buộc dây - Cháu biết cách đi dày dép - Cháu biết cách gấp quần áo gọn gàng theo sự hướng dẫn của cô.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
21	- Biết một số thực phẩm cùng nhóm: đạm, béo, đường, vitamin...	- Thịt, cá...có nhiều chất đạm - Cơm, ngô...có nhiều bột đường - Rau, quả chín có nhiều vitamin
22	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	- Cháu biết rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
23	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	- Cháu biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất sẽ giúp cơ thể khỏe mạnh
24	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng,..	- Cháu biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
25	-Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường: xếp nệm phụ cô. Sắp xếp ghế ngay ngắn, phụ cô phơi khăn, úp ca.....	- Cháu có kỹ năng và tự làm một số công việc tại trường. + Cháu biết cách sắp xếp ghế và nệm gối ngay ngắn theo sự hướng dẫn của cô. - Cháu biết phụ cô phơi khăn theo sự hướng dẫn của cô.
26	- Tự súc miệng đánh răng, lau mặt	- Cháu biết thực hiện thao tác đánh răng, lau mặt.
27	- Biết một số thao tác vệ sinh: Chải đầu, chùi mũi, rửa tay, lau	- Cháu biết cách thực hiện các thao tác theo sự hướng dẫn của

		mặt khi có mồ hôi....	cô. +Tập thói quen rửa tay bằng xà phòng. +Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước + Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.
28	- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn .	- Cháu biết cách mặc quần, áo.	
29	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- Cháu biết cầm muống đúng cách, ngồi ăn ngay ngắn, xúc ăn gọn gàng	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
30	- Có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân, môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định.... biết giữ gìn vệ sinh môi trường.	
31	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống .	- Cháu biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Cháu không uống nước lã	
32	- Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người, lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.	- Cháu biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	
33	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Biết và không uống nhiều nước ngọt, ăn nhiều đồ ngọt dễ sâu răng. - Biết và không uống các loại nước quá lạnh sẽ dễ bị ho.	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
34	- Nhận ra và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	- Cháu nhận biết bàn là, bếp đang đun ... là nguy hiểm không đến gần. Không nghịch các vật sắc, nhọn. Ao, hồ, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không chơi gần.	

	35	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Cháu biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Cháu biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết...
	36	- Cháu có kỹ năng ăn uống các loại trái cây.	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để cắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	37	- Biết mỗi nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	a) Khám phá khoa học		
	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
	38	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với những gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi, của sự vật, hiện tượng: "Vì sao cây lại héo?", " Vì sao là cây lại ướn?"	- Cháu biết tìm hiểu sự thay đổi thông qua các hoạt động thí nghiệm, trải nghiệm , khám phá, để tìm ra sự thay đổi các hiện tượng xung quanh.
	39	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh và giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản, trong cuộc sống hằng ngày.	- Cháu nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cháu thích đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm, quan sát...
	2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
	40	- Biết mối quan hệ giữa cây cối, con vật với môi trường sống.	- Cháu quan sát tìm hiểu và nhận biết được mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi

		trường sống. Cây cần phân bón của động vật, động vật ăn thực vật.....
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
41	Trẻ biết các giác quan trên cơ thể	-Biết cơ thể có 5 giác quan: thính giác, thị giác, khứu giác, xúc giác, thị giác
42	Biết một số đồ dùng cần thiết cho cơ thể bé	-Biết phân biệt đồ dùng: cá nhân và đồ dùng học tập cần thiết cho bé
43	- Biết tên gọi, đặc điểm công dụng của cây cối, hoa, rau, củ, quả.	- Cháu biết đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây cối, hoa, rau, củ, quả. - Cháu biết so sánh sự giống và khác nhau rõ nét của cây cối, hoa, rau, củ, quả.
44	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây.	- Cháu biết quá trình phát triển của cây. - Cháu biết cách chăm sóc, bảo vệ cây cối.
45	- Biết tên gọi, đặc điểm, môi trường sống và lợi ích của các con vật.	- Cháu biết đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật. - Cháu biết so sánh sự giống và khác nhau rõ nét của các con vật.. +Các con vật nuôi trong gia đình. + Dưới nước + Trong rừng, + Chim-Côn trùng.....
46	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của các con vật.	- Cháu biết quá trình phát triển của các con vật. - Cháu biết cách chăm sóc, bảo vệ các con vật quen thuộc.
47	- Biết tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của các mùa.	- Cháu biết tên gọi một số mùa trong năm : Mùa xuân, mùa đông, mùa hè, mùa thu. + Cháu biết mùa xuân: Nhiều hoa nở, có ngày Tết cổ truyền. + Cháu biết mùa hè: Nắng nóng, mưa nhiều, có nhiều hoa phượng nở, ve kêu.

			+ Cháu biết mùa đông: Thời tiết lạnh, cây cối rụng lá...
	48	- Nhận biết được sự cần thiết của nước.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Trẻ biết có các loại nước, nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	49	- Nhận biết được các tài nguyên trong thiên nhiên và các hiện tượng tự nhiên diễn ra trong thiên nhiên.	- Cháu biết được đặc điểm của các tài nguyên trong tự nhiên như không khí, cát đất, sỏi đá.... - Cháu nhận biết được các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, nắng, gió, bão lũ lụt...
	50	- Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Cháu biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp... Trời nắng: Bầu trời trong xanh, có ông mặt trời...
	51	- Biết một số đặc điểm nổi bật của các đối tượng như: đồ dùng, dụng cụ nghề, dụng cụ thể thao....	- Cháu biết tên gọi, đặc điểm và công dụng của đồ dùng đồ chơi, dụng cụ nghề, dụng cụ thể thao...
	52	- Biết phân loại được một số đồ dùng, dụng cụ nghề, dụng cụ thể thao thông thường theo công dụng.	- Cháu biết dựa vào đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng đồ chơi, dụng cụ các nghề, dụng cụ thể thao để so sánh sự giống nhau và khác nhau rõ nét của chúng....
	53	- Phương tiện giao thông (đặc điểm, phân nhóm...)	- Cháu biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Cháu biết phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động
	54	- Biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.	- Cháu biết cách lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.

55	- Biết tên gọi và đặc điểm của các môn thể thao.	- Cháu nói được tên gọi của các môn thể thao. - Cháu biết công dụng của đồ dùng thể thao.
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
56	- Có một số hiểu biết ban đầu về một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Cháu biết đếm các vật xung quanh và chỉ ngón tay tương ứng với đồ vật. - Cháu biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.- Cháu biết đếm số lượng từ 1 - 5 và nhận biết được đặc điểm, phân biệt được các chữ số từ 1 đến 5. - Cháu nhận biết 1 và nhiều. - Cháu biết phân biệt sự giống nhau và khác nhau.
57	- Biết so sánh thêm bớt tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5.	- Cháu biết so sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 5 bằng nhiều cách: và nói được từ "bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn"
58	- Biết cách tách gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 5.	- Cháu biết tách số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm bằng nhiều cách khác nhau.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
59	- Nhận biết cách sắp xếp theo quy tắc,	- Cháu nhận biết được các qui tắc sắp xếp của các đối tượng; ghép đôi, tương ứng 1-1....
3. So sánh hai đối tượng		
60	- Biết so sánh kích thước hai đối tượng	- Cháu biết so sánh kích thước 2 đối tượng: To hơn -nhỏ hơn, cao hơn- thấp hơn, dài hơn - ngắn hơn, rộng hơn - hẹp hơn, bằng nhau
4. Nhận biết hình dạng		
61	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
62	- Nhận biết, gọi tên các hình và	- Cháu biết nhận biết, gọi tên các

	nhận dạng trong thực tế.	hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các đồ vật có hình dạng trong thực tế.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
63	- Xác định được vị trí: trên, dưới, trước, sau của một vật so với một vật khác; phải, trái của bản thân.	- Cháu biết xác định vị trí của đồ vật: phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái so với bản thân trẻ.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
64	- Biết một số thông tin quan trọng về gia đình.	- Cháu biết các thông tin về gia đình: Tên bố, mẹ, anh, chị, số điện thoại của bố hoặc mẹ. - Cháu biết một số thành viên trong gia đình. - Cháu biết nghề nghiệp của bố, mẹ, một số nhu cầu của gia đình.
65	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
66	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Cháu biết được tên, địa chỉ của trường, lớp. Biết tên cô giáo, gọi tên một số đồ dùng đồ chơi của lớp, trường.
67	- Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. Cô giáo dạy học, cô phục vụ quét dọn vệ sinh xung quanh trường, cô cấp dưỡng nấu ăn, phục vụ ăn uống cho trẻ...
68	- Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết họ, tên và một vài đặc điểm nổi bật của các bạn và các hoạt động của trẻ ở trường.

	69	- Biết một số thông tin về Bác.	- Cháu biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. - Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác, hiện nay Bác không còn nữa, lăng Bác đặt tại quảng trường Ba Đình - thủ đô Hà Nội - Cháu biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác Hồ.
	2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
	70	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề	- Cháu biết tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: nghề gốm sứ, sơn mài...
	3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
	71	- Cháu biết kể tên được các ngày lễ, ngày hội và những đặc điểm, hoạt động của các ngày lễ hội.	- Cháu kể tên được các ngày lễ hội và từng đặc điểm của lễ hội như sinh nhật, trung thu và tết nguyên đán, giáng sinh, ngày 20/11, 8/3.... - Biết được các hoạt động diễn ra trước, trong và sau các ngày hội ngày lễ.
	72	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, ngành nghề truyền thống ở địa phương.	- Cháu biết đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh: Chùa Bà, sông Bạch Đằng, nhà tù Phú Lợi... - Cháu biết tên và sản phẩm của các làng nghề truyền thống ở địa phương như: Gốm sứ, sơn mài, guốc mộc...
	73	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của nước ta.	- Cháu biết kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của nước Việt Nam như: Thủ Đô Hà Nội, lăng Bác Hồ, Hồ Hoàn Kiếm, chùa 1 cột.....

	74	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của biển và hải đảo của nước ta.	- Cháu biết kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số biển và hải đảo của nước Việt Nam như: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, biển Vũng Tàu....
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	1. Nghe hiểu lời nói		
	75	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Cháu biết nghe, hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc - Cháu hiểu và làm theo một số yêu cầu đơn giản: Con hãy lấy cái ca đi uống nước, con hãy lấy bàn chải đi đánh răng...
	76	- Hỏi lại khi không hiểu người khác nói	- Cháu biết đặt câu hỏi để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
	77	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu	- Cháu biết thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"
	2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
	78		- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. - Cháu biết nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
	79	Nói rõ lời để người nghe có thể hiểu được.	- Cháu biết phát âm rõ lời. - Cháu đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Cháu biết trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	80	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động trong sinh hoạt hàng ngày.	- Cháu biết sử dụng các từ chỉ hành động: Đi, chạy, nhảy, cầm, nắm... - Cháu biết các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các

		phương tiện và qui định giao thông...
81	- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)	- Cháu nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Cháu biết đọc thơ, ca dao, đồng dao, nói lời thoại nhân vật kèm theo cử chỉ, điệu bộ.
82	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân	- Cháu biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu.
83	- Sử dụng lời nói để trao đổi cùng bạn bè trong hoạt động.	- Cháu biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Cháu biết bày tỏ hiểu biết của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu.
84	- Kể về một sự việc nào đó để người khác hiểu được	- Cháu biết dùng lời nói để diễn tả lại một sự việc nào đó mà trẻ biết. - Cháu biết diễn đạt để người khác hiểu.
85	- Kể lại được nội dung chuyện đơn giản đã nghe	- Cháu nghe một số câu chuyện trong chương trình. - Cháu kể lại câu chuyện đã nghe với sự giúp đỡ của người lớn
86	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi nói.	- Cháu có thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Cháu biết phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
87	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép như dạ thưa, xin chào, mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Cháu biết chào hỏi, tạm biệt, biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.

	88	- Biết kể chuyện theo tranh, đồ vật.	- Cháu biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện theo ngôn ngữ của trẻ có sự giúp đỡ của người lớn. - Cháu biết lựa chọn và kể về đồ vật đã chọn theo hiểu biết của trẻ.
	89	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	- Kể lại chuyện theo trí nhớ - Tập đóng kịch. -Phát triển khả năng sáng tạo trong cách diễn đạt bằng ngôn ngữ mô phỏng các con vật, đóng kịch, kể chuyện.
	3. Làm quen với đọc, viết		
	90	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm... - Nhận dạng được một số chữ cái thông qua các bài thơ, câu truyện	- Cháu biết làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Cháu biết nhận dạng được một số chữ cái thông qua các bài thơ, câu truyện
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	1. Thể hiện ý thức về bản thân		
	91	- Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Cháu biết sở thích, khả năng của bản thân: Nói được điều bé thích, không thích.
	92	- Biết quan tâm và đến các cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội của quê hương đất nước.	- Cháu quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Chợ Thủ Dầu Một, Chùa Hội Khánh...
	93	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	- Cháu biết điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, cách ăn mặc...) - Cháu biết sở thích của bản thân.
	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
	94	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Cháu thích thực hiện công việc được giao - Cố gắng để hoàn thành công

		việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi, phát tập học...)
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
95	- Thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Giáo dục kỹ năng sống giúp cho trẻ biết kiểm soát cảm xúc, biết thể hiện tình yêu thương, sự chia sẻ, đồng cảm với người xung quanh trong gia đình.
96	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ...	- Cháu biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, qua chuyện kể của cô.
97	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Cháu biết biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói qua phản ánh vai chơi, hành động chơi, qua các trò chơi vận động.
98	- Tình cảm, kính yêu Bác Hồ	- Cháu thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua tranh ảnh, bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
99	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Cháu biết các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lăng Bác ở quảng trường Ba Đình-Hà Nội.
100	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Cháu biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi và giải thích.
101	- Biết chăm sóc và giúp đỡ bạn bè	- Biết giúp đỡ bạn khi cần giúp - Biết chăm sóc khi bạn bị bệnh
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
102	- Có thái độ lịch sự khi đi các phương tiện công cộng	- Cháu biết giao tiếp có văn hóa khi đi trên các PTGT công cộng như: nhường chỗ cho người già, không chen lấn xô đẩy khi lên xe
103	- Trẻ thể hiện hành vi ứng xử văn minh của xã hội.	- Cháu biết chơi vui vẻ, hòa thuận với bạn. Biết chia sẻ và chơi đồ

		chơi cùng bạn. Biết cất xếp đồ chơi gọn gàng. Biết dạ thưa với người lớn - Cháu biết đưa và nhận bằng 2 tay. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi... - Cháu biết lắng nghe cô và bạn nói - Cháu biết xếp hàng, chờ đến lượt, hợp tác với bạn, với mọi người.
104	- Biết yêu quý, có thái độ kính trọng tất cả các nghề.	- Cháu biết tất cả các nghề trong xã hội đều cao quý và biết yêu quý các nghề trong xã hội
105	- Trẻ có thái độ kính trọng, lễ phép với cô giáo và các bác trong trường mầm non	-Lễ phép với người lớn. Các thầy cô trong trường
5. Quan tâm đến môi trường		
106	- Có thói quen bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thói quen bỏ rác vào thùng. - Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. - Tiết kiệm điện, nước. - Không ngắt hoa, bẻ cành. - Chăm sóc cây xanh trong lớp, ngoài sân trường.
107	- Quan tâm đến môi trường xung quanh: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	- Cháu nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc: Khi nuôi phải cho ăn, uống nước và không được chọc phá các con vật - Cháu biết cho con vật quen thuộc ăn. - Cháu thích được chăm sóc cây cối như : Nhặt lá vàng, tưới cây, ...
108	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	- Cháu nhận ra một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... - Cháu biết tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học.

	109	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Cháu có thói quen bỏ rác vào thùng. Cát dọn đồ dùng, đồ chơi ngăn nắp, gọn gàng. - Cháu biết tiết kiệm điện, nước. - Cháu biết chăm sóc cây xanh trong lớp.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
	110	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm, và ngắm nhìn các vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng.	- Cháu biết làm những động tác mô phỏng khi nghe âm thanh gọi cảm. - Cháu biết nhìn các tranh, ảnh, các cảnh đẹp và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn các vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng.
	111	- Chú ý nghe, hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, nghe kể chuyện	- Cháu biết nghe hát và vận động theo nhạc (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát. - Cháu biết nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc không lời...) thích nghe đọc thơ, đồng dao, nghe kể chuyện.
	112	- Vui sướng chỉ sờ ngắm nhìn, và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật	- Cháu quan sát các sản phẩm tạo hình, đưa ra nhận xét theo suy nghĩ của mình (về màu sắc, hình dáng... nói được các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm)
	113	- Cắt, xé dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	- Cháu biết cách dán thành bức tranh có màu sắc và bố cục cân đối.
	2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
	114	- Dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	- Cháu biết thoa hồ và dán các hình ảnh để tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục cân đối.
	115	- Hát tự nhiên, đúng giai điệu, lời ca, rõ lời của bài hát quen thuộc.	- Cháu hát đúng giai điệu, lời ca tình cảm của bài hát quen thuộc.
	116	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với	- Cháu vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài

		các hình thức (vỗ tay theo nhịp, phách, tiết tấu, múa...)	hát, bản nhạc. - Cháu sử dụng các dụng cụ gõ, đệm theo nhịp, phách, tiết tấu...
117		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Cháu phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
118		- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn và có kỹ năng tô màu, tạo thành bức tranh hoàn chỉnh.	- Cháu có kỹ năng vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn, tạo thành bức tranh đơn giản và biết cách tô màu có bố cục hài hòa.
119		- Xé theo dải, xé vụn, cắt đoạn thẳng 10cm và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Cháu biết dùng kỹ năng để xé theo đường thẳng, xé thành dải và cắt theo đường thẳng...
120		- Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất tạo thành một số sản phẩm đơn giản.	- Cháu biết được một số kỹ năng xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹp để tạo ra sản phẩm
121		- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm đơn giản	- Cháu sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành ra các sản phẩm theo chủ đề.
122		- Lựa chọn, hát theo hình vẽ với nội dung bài hát	- Cháu biết thể hiện minh họa lời bài hát theo hình vẽ về con vật, đồ vật, hoa quả....
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)			
123		- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để vỗ theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Cháu biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
124		- Biết lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu và sử dụng các kỹ năng tạo hình để phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Cháu biết lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu và kỹ năng tạo hình để phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sản phẩm theo ý thích.
125		- Cháu biết đặt tên và nói lên ý tưởng trong các sản phẩm tạo hình của mình.	- Cháu nói được tên sản phẩm và biết cách nhận xét các sản phẩm mình tạo ra.

2.2. Khối Chồi

LĨNH VỰC	SỐ TT MT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	I. Giáo dục phát triển thể chất		
	a) Phát triển vận động		
	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
	MT1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Cháu biết thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời theo đúng giai điệu bài hát.
	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
	MT2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi trên ghế băng đầu đội túi cát kết hợp bước qua 3-4 chướng ngại vật - Đi thăng bằng theo trò chơi " Đồi đồ chơi cho bạn" - Đi nổi bàn chân tiến về trước
	MT3	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập chạy	- Chạy nhanh 12m - Chạy theo trò chơi “ Mèo và Chim Sẻ”
			- Chạy chậm 80m - Chạy đích dắc qua 3-4 chướng ngại vật.
	MT4	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo và phối hợp tay - mắt trong vận động ném	- Ném xa bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay - Ném chạy theo trò chơi " Thi xem ai ném xa nhất" - Ném xa theo trò chơi " Thi xem ai ném xa nhất"
			- Ném trúng đích (đích nằm ngang) - Ném trúng đích (đích thẳng đứng) - Ném trúng đích xa 1,2 m
	MT5	- Biết phối hợp tay - chân thực hiện vận động bật nhịp nhàng	- Bật sâu 15-20cm - Bật sâu 20cm
			- Bật xa 35cm - Bật xa 40cm
	MT6	- Biết phối hợp tay - chân	- Trườn sấp theo hướng thẳng 6-

		thực hiện vận động: trườn	8m kết hợp chui qua cổng - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế
	MT7	- Biết phối hợp tay - chân thực hiện vận động trèo nhịp nhàng, khéo léo.	- Trèo lên xuống bậc cao 25-30cm - Trèo lên xuống thang
	MT8	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò	- Bò bằng bàn tay và bàn chân
	MT9	- Biết phối hợp tay - chân thực hiện vận động bật, nhảy nhịp nhàng	- Bật chụm chân theo 5 ô vuông - Bật chụm và tách chân theo ô - Bật tiến về trước theo TC" Cáo và Thỏ"
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt			
	MT10	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, vận động nhịp nhàng với bạn, điều chỉnh hoạt động theo tín hiệu.	- Đi chạy làm theo người dẫn đầu
	MT11	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, rèn luyện sức khỏe dẻo dai cho các cháu.	- Cháu thực hiện các vận động mạnh dạn khéo léo khi tham gia các trò chơi vận động.
	MT12	- Nhảy lò cò được ít nhất 4-5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Đứng co 1 chân, Nhảy lò cò tự do, Nhảy lò cò 4 – 5 m - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò 4-5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	MT13	- Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò chạy theo trò chơi " Đàn chuột con"
	MT14	Phối hợp tay - mắt trong vận động +Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) +Tự đập bắt bóng được 3 lần liên tiếp (bóng 18cm)	- Cháu thực hiện vận động tung bắt bóng với cô bắt được ba lần liên không rơi bóng và tự đập bóng được 3 lần liên tiếp.
	MT15	- Tổng hợp nhảy, ném chạy	- Cháu thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: nhảy – ném – chạy.
	MT16	- Thực hiện và phối hợp được	- Cháu biết đan các ngón tay vào

		các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt + Xoay tròn cổ tay + Gập đan ngón tay vào nhau.	nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay qua các hoạt động: + Múa cuộn cổ tay + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
MT17	- Biết được một số thực phẩm qua các món ăn tại trường	- Cháu có kỹ năng phân loại được các món ăn tại trường, và biết ăn uống nhai từ tốn, không nhai nhồm nhoàm, nói chuyện cười giỡn trong khi ăn.	
MT18	- Biết kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Cháu biết rửa sạch, bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt.v.v.....như bỏ hạt, rửa sạch, không dùng dao để xắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.	
MT19	- Biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm trong ngày tết. Cháu biết giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya	
MT20	- Biết một số thực phẩm cùng nhóm: đạm, béo, đường, vitamin...	- Cháu biết thịt cá có nhiều chất đạm - Cơm, ngô... có nhiều bột đường - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	
MT21	- Biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. Cách chế biến các món ăn	- Cháu biết tên các món ăn quen thuộc hàng ngày và cách chế biến các món ăn đó.	
MT22	- Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đầy đủ chất dinh dưỡng.	- Cháu biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).	

	MT23	- Thực hiện các thao tác vệ sinh cá nhân tự phục vụ tại trường.	- Cháu có kỹ năng tự làm các thao tác vệ sinh cá nhân tự phục vụ tại trường tại trường. + Rửa tay – Lau mặt bằng khăn ướt + Súc miệng – đánh răng + Lau mặt khi có mồ hôi + Chùi mũi khi có mũi, giữ mặt mũi sạch sẽ + Đi giày dép. + Lau mặt khi có mồ hôi + Chải đầu. + Mặc quần áo, cài nút áo. + Xếp quần áo .
	MT24	- Tập tự phục vụ trong sinh hoạt hàng ngày tại trường.	- Cháu biết xếp ghế ngay ngắn gọn gàng để đúng nơi qui định - Cháu biết úp ca lên theo kí hiệu đúng qui định. - Xếp đồ dùng, gọn gàng, ngăn nắp, đúng qui định - Cháu biết lấy cát nệm gối đúng qui định. - Cháu biết lấy cát ghế đúng chỗ và xếp ngay ngắn - Cháu biết phụ cô trải và xếp nệm gối - Biết lấy cát xếp đồ dùng học tập đúng qui định. - Cháu biết phụ dội nước khi đi vệ sinh xong.
	MT25	- Tập làm quen với những công việc của người lớn.	- Làm quen với công việc rửa đồ chơi của cô. - Làm quen với công việc rửa ca cốc của cô. - Làm quen với việc tưới cây góc thiên nhiên - Làm quen với công việc phơi khăn lên giá. - Làm quen với công việc lau lá góc thiên nhiên. - Làm quen với công việc quét

		dọn và sắp xếp đồ dùng, đồ chơi trên kệ - Làm quen với công việc rửa đồ chơi của cô. - Cháu biết phụ rửa rau, lấy thực phẩm đưa cho ba mẹ nấu. Làm gì khi trong nhà có người bị ốm, ví dụ: lấy nước cho người bệnh uống, nhúng khăn để người bệnh lau mát..v.v
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT26	- Có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường môi trường sạch sẽ.	- Cháu rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi quy định....biết giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT27	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Cháu biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt...
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT28	- Nhận biết được những vật dụng nơi an toàn và không an toàn tại trường, không theo người lạ, không ra khỏi khu vực lớp, trường khi chưa được phép của cô. giữ an toàn cho bản thân và cho bạn khi chơi.	- Cháu có kỹ năng giữ gìn bảo vệ an toàn và sức khỏe. Biết gọi cô giáo khi bị ốm, không chịu theo người lạ, không ra khỏi khu vực nhóm lớp khi chưa xin phép cô giáo, không có những hành vi gây nguy hiểm cho bản thân và cho bạn.
MT29	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Cháu biết tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng
MT30	- Biết kỹ năng ứng xử bảo vệ bản thân.	- Rèn luyện cho trẻ kỹ năng ứng xử bảo vệ bản thân khi ở nhà một mình.
MT31	- Biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm khi ăn, không ăn thực phẩm ôi thiu, nấm mốc.v.v...	- Cháu có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm tươi sống và thực phẩm ôi thiu.
MT32	- Biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho

		vật dữ.	bản thân mình.
	MT33	- Biết an toàn khi tham gia giao thông.	- Cháu biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài.v.v..
	MT34	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	MT35	- Biết nhu cầu ăn uống của gia đình.	- Cháu biết các bữa ăn trong gia đình, làm quen và tham gia chế biến một số món ăn đơn giản. Làm quen 4 nhóm thực phẩm; chất bột đường, chất đạm, chất béo, khoáng chất và các vitamin.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	II. Giáo dục phát triển nhận thức		
	a) Khám phá khoa học		
	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
	MT36	- Biết các loại nguồn nước, và biết sử dụng đúng nguồn nước.	- Cháu biết có các loại nước, nước uống và nước để xài, nước sinh hoạt hàng ngày. - Cháu biết ích lợi của nước đối với con người, cây cối và biết giữ gìn nguồn nước trong cuộc sống hàng ngày.
	MT37	- Biết tên, đặc điểm của các đồ dùng cá nhân của bé.	- Cháu biết được tên, và đặc điểm và cách sử dụng các đồ dùng cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.
	MT38	- Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm).
	MT39	- Biết tên và đặc điểm, sở thích...của các bạn lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu và đặc điểm, sở thích...của các bạn lớp.
	MT40	- Biết tên gọi, đặc điểm công dụng của cây cối, hoa, rau, củ, quả.	- Cháu biết đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây cối, hoa, rau, củ, quả. - Cháu biết so sánh sự giống và khác nhau rõ nét của cây cối, hoa, rau, củ, quả.

MT41	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của các con vật.	- Cháu biết quá trình phát triển của các con vật. - Cháu biết cách chăm sóc, bảo vệ các con vật quen thuộc.
MT42	- Biết tên gọi và đặc điểm của các môn thể thao.	- Cháu nói được tên gọi của các môn thể thao. - Cháu biết công dụng của đồ dùng thể thao.
MT43	- Nhận biết được các tín hiệu và các loại biển báo giao thông.	- Cháu nhận biết được đặc điểm của các biển báo giao thông và tín hiệu của đèn giao thông.
MT44	- Nhận biết được 1 số luật giao thông.	- Cháu tìm hiểu và biết được 1 số luật lệ giao thông khi tham gia giao thông như: Phải đội nón bảo hiểm. đi bộ trên vỉa hè, không được chở nhiều người trên xe máy....
MT45	- Nhận biết được các tài nguyên trong thiên nhiên và các hiện tượng tự nhiên diễn ra trong thiên nhiên.	- Cháu biết được đặc điểm của các tài nguyên trong tự nhiên như không khí, cát đất, sỏi đá.... - Cháu nhận biết được các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, nắng, gió, bão lũ lụt...
MT46	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Cháu biết được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT47	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây.	- Cháu biết quá trình phát triển của cây. - Cháu biết cách chăm sóc, bảo vệ cây cối.
MT48	- Biết mối quan hệ giữa cây cối, con vật với môi trường sống.	- Cháu quan sát tìm hiểu và nhận biết được mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. Cây cần phân bón của động vật, động vật ăn thực vật.....
MT49	- Biết tên gọi, đặc điểm lợi ích, môi trường sống của các con	- Cháu biết đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật.

		vật.	- Cháu biết so sánh sự giống và khác nhau rõ nét của các con vật.. + Các con vật nuôi trong gia đình. + Dưới nước + Trong rừng, + Chim-Côn trùng...
	MT50	- Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về sự thay đổi của sự vật, hiện tượng: "vì sao cây lại héo?","vì sao lá cây bị ướn?"	- Cháu biết tìm hiểu sự thay đổi thông qua các hoạt động thí nghiệm, trải nghiệm, khám phá, để tìm ra sự thay đổi các sự vật hiện tượng xung quanh.
	MT51	- Nhận biết được sự cần thiết của nước.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Trẻ biết có các loại nước, nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
	MT52	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Cháu biết sử dụng linh hoạt các giác quan để nhìn, sờ, ngửi, nếm để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng.
	MT53	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, qua sát, so sánh.	- Cháu biết sử dụng các dụng cụ đơn giản để thực hiện các hoạt động thử nghiệm và đưa ra cá phán đoán, so sánh về đối tượng VD: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Một số đặc điểm, tính chất của

		nước.
MT54	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Cháu biết tìm và thu thập các thông tin bằng nhiều cách khác nhau như trên sách báo, tranh ảnh để tìm hiểu về đối tượng VD: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người
MT55	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Cháu biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Cháu biết phân loại các biển báo giao thông theo 2 -3 dấu hiệu. - Cháu biết phân loại đồ dùng, đồ chơi, dụng cụ thể thao... theo 2-3 dấu hiệu - Cháu biết phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
MT56	- Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.	- Cháu biết một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu quen thuộc
MT57	- Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Cháu biết so sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Cháu biết so sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT58	- Phương tiện giao thông (đặc điểm, phân nhóm...)	- Cháu biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Cháu biết phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT59	- Quan tâm đến chữ số, số lượng, biết đếm các vật xung	- Cháu biết đếm nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo

	quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"	khả năng
MT60	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5..	- Cháu nhận biết được đặc điểm các số từ 1 - 5 và biết sử dụng để chỉ số lượng, số thứ tự tương ứng.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT61	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Cháu biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - Cháu biết sắp xếp theo quy tắc.
3. So sánh hai đối tượng		
MT62	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Cháu biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng nhiều cách khác nhau.
MT63	- Gộp - Tách hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Cháu biết cách gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Cháu biết tách các nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm.
MT64	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài của các đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Cháu biết đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo
MT65	- Nhận biết được kích thước của các đối tượng.	- Cháu biết so sánh và nhận biết được độ to nhỏ và rộng hẹp của các đối tượng.
MT66	- Nhận biết các điểm giống, khác nhau của các hình hình học. (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- Cháu biết so sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông , hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
4. Nhận biết hình dạng		
MT67	- Nhận ra được đặc điểm các hình, hình học; các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Cháu biết nhận biết, gọi tên các hình, hình học và các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
MT68	- Biết sử dụng các hình học khác nhau để lắp ghép tạo ra các hình đơn giản.	- Cháu biết lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Cháu biết tạo ra một số hình

		hình học bằng các cách khác nhau. - Cháu biết ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT69	- Biết xác định vị trí của đồ vật so với bản thân và người khác	- Cháu biết cách xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía phải- phía trái)
MT70	- Nhận biết được trình tự thời gian trong ngày.	- Cháu nhận biết được các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối...tương ứng trong ngày.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT71	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính, sở thích của bản thân, một số thông tin quan trọng về gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Cháu biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường.
MT72	- Biết tên và địa chỉ và đặc điểm của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
MT73	- Biết tên, một số công việc của cô giáo trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết tên, công việc của cô giáo của bé.
MT74	- Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết tên, địa chỉ và một số đặc điểm của trường, lớp.
MT75	- Biết một số thông tin về Bác.	- Cháu biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. - Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác, hiện nay Bác không còn nữa, lăng Bác đặt tại quảng trường Ba Đình - thủ đô Hà Nội

			- Cháu biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác Hồ.
	2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
	MT76	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Cháu biết tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	MT77	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử, ngành nghề truyền thống ở địa phương.	- Cháu biết đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh: Chùa Bà, sông Bạch Đằng, nhà tù Phú Lợi... - Cháu biết tên và sản phẩm của các làng nghề truyền thống ở địa phương như: Gốm sứ, sơn mài, guốc mộc...
	3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
	MT78	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Cháu biết tên và các hoạt động của các ngày lễ hội: như sinh nhật, 20/11, 8/3 và các sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước như lễ quốc khánh 2/9, 12.12, 30/4.....
	MT79	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của nước ta.	- Cháu biết kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của nước Việt Nam như: Thủ Đô Hà Nội, lăng Bác Hồ, Hồ Hoàn Kiếm, chùa 1 cột....
	MT80	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của biển và hải đảo của nước ta.	- Cháu biết kể tên và nêu đặc điểm nổi bật của một số biển và hải đảo của nước Việt Nam như: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, biển Vũng Tàu....
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
	1. Nghe hiểu lời nói		
	MT81	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp.	- Cháu hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".
	MT82	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

	dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT83	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
MT84	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	- Cháu nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Cháu nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Cháu nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
MT85	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Cháu biết nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT86	- Sử dụng lời nói để trao đổi cùng bạn bè trong hoạt động.	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng tham gia vào hoạt động.
MT87	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Cháu biết trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai ?", "cái gì ?", "ở đâu?", "khi nào ?", "để làm gì?"
MT88	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Cháu biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
MT89	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Cháu biết kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT90	- Sử dụng một số từ chào hỏi phù hợp với tình huống	- Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.

MT91	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	- Cháu biết phát âm các tiếng có chứa các âm khó
3. Làm quen với đọc, viết		
MT92	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao.	- Cháu biết đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
MT93	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc về một sự việc nào đó để người khác hiểu được	- Cháu biết kể lại truyện đã được nghe - Biết dùng lời nói để diễn tả, mô tả lại một sự việc nào đó mà trẻ biết. - Biết kể theo trình tự để người khác hiểu. - Biết nói lên sở thích cá nhân của mình; cháu biết kể, sử dụng các từ ngữ để kể chuyện, giới thiệu về bản thân, về sở thích của cháu... - Biết nói rõ và người nghe có thể hiểu được; biết chú ý lắng nghe
MT94	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện	Cháu biết bắt chước giọng nói, ngữ điệu giọng của nhân vật trong chuyện - Cháu biết đóng kịch thể hiện cử chỉ điệu bộ của nhân vật.
MT95	- Biết cách chọn sách và biết cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh.	- Cháu biết lựa chọn sách, xem và đọc các loại sách khác nhau. Cháu biết lật từng trang để đọc và biết giữ gìn, bảo quản sách. - Cháu biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
MT96	- Biết kể chuyện theo tranh, đồ vật.	- Cháu biết dựa theo tranh, đồ vật để kể lại thành một câu chuyện. - Cháu biết sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
MT97	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Cháu làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông:

			đường cho người đi bộ...)
	MT98	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Cháu làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT99	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết	- Xem và “đọc” các loại sách khác nhau. - "Đọc" truyện qua tranh vẽ.
	MT100	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách . - Suu tầm, cắt dán tranh ảnh làm sách về chủ đề.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
	1. Thể hiện ý thức về bản thân		
	MT101	- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Hình thành một số thói quen hành vi văn minh hoi quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng.
	MT102	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp.	- Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng. - Tự chải đầu khi tóc rối.
	MT103	- Có gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cháu biết hoàn thành công việc được giao
	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
	MT104	- Biết được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	- Cháu biết thể hiện sở thích, khả năng của bản thân
	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		

MT105	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh...	- Cháu nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT106	- Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Cháu biết biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT107	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Cháu biết khi đến các khu di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước phải biết tôn kính và giữ gìn....
MT108	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích.
MT109	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn.	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. - Biết quan tâm giúp đỡ bạn bè
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT110	- Thể hiện tình cảm yêu thương Bác Hồ.	- Cháu biết kính yêu Bác Hồ
MT111	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	- Cháu biết một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. -Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
MT112	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Cháu biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT113	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Cháu biết lắng nghe cô và bạn nói
MT114	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Cháu biết chờ đến lượt, hợp tác.
MT115	- Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động	- Cháu biết phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.

		chung (chơi, trực nhật...)	
	MT116	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi
	5. Quan tâm đến môi trường		
	MT117	- Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật, cho con vật quen thuộc ăn. - Thích được tham gia chăm sóc cây cối như: Nhặt lá vàng, nhổ cỏ, tưới cây, ... - Biết yêu quý quê hương đất nước của mình
	MT118	- Có hành vi bảo vệ môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp - Tiết kiệm điện, nước. - Chăm sóc cây xanh trong và ngoài lớp học. - Cháu biết bỏ rác vào thùng rác - Cháu biết giữ gìn vệ sinh môi trường
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
	MT119	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Cháu biết chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	MT120	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Cháu biết ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi.
	MT121	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản	- Cháu biết cách vận động, sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo

		nhạc	nhạc, bài hát.
	MT122	– Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cháu biết cách cầm bút, tư thế ngồi. - Cháu biết tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Cháu biết vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
	MT123	- Cắt – xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	- Cháu biết cách xé, cắt theo đường thẳng, đường cong - Cháu biết cắt rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	MT124	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhầm.	- Cháu biết dán hình theo ý thích - Cháu biết dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhầm - Cháu biết dán hình trang trí bức tranh
	MT125	- Làm lồi, lõm, nổi, chìm, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn, để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Cháu biết sử dụng bàn tay để nặn, làm lồi, lõm, nổi, chìm, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
	MT126	- Phối hợp các kỹ năng gấp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	- Cháu biết sử dụng các kỹ năng gấp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
	MT127	- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Cháu biết lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
	MT128	- Lựa chọn dụng cụ để gõ, đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Cháu biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
	MT129	- Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Cháu biết hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
	MT130	- Thể hiện ý tưởng và cách tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Cháu biết sử dụng ngôn ngữ mạch lạc để nói lên ý tưởng và cách tạo ra các sản phẩm tạo

			hình và đặt tên cho sản phẩm của mình.
	MT131	- Vỗ tay, làm động tác mô phỏng khi nghe các âm thanh gợi cảm.	- Cháu biết bộc lộ cảm xúc bằng cử chỉ phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc...
	MT132	- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm.	- Cháu biết bộc lộ cảm xúc bằng lời nói phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc...
	MT133	- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Cháu biết ngắm nhìn, nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm, nghệ thuật.
	MT134	- Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	- Cháu biết nghe hát và vận động theo nhạc - Cháu biết nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
	MT135	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Cháu biết quan sát các sản phẩm tạo hình, đưa ra nhận xét theo suy nghĩ của mình.

2.3. Khối lá

LĨNH VỰC	SỐ TT MT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	a) Phát triển vận động		
	1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
	1	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục buổi sáng đúng nhịp
	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		

	2	- Bật theo hiệu lệnh	- Bật xa 45 - 50cm - Bật xa theo trò chơi “Nhảy tiếp sức” - Bật sâu 20 – 25 cm - Bật qua vật cản 15 – 20cm - Bật liên tục vào vòng - Bật liên tục qua 3-4 chướng ngại vật - Bật liên tục qua 5 chướng ngại vật theo trò chơi
	3	- Đi ngang bước dồn	- Đi ngang bước dồn trên ghế thể dục - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát - Đi thẳng bằng trên ghế đầu đội túi cát, bước qua 2-3 chướng ngại vật
	4	- Ném xa	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném xa bằng 1 tay theo trò chơi “Thi xem ai ném xa nhất”
	5	- Ném trúng đích	- Ném trúng đích 1m20 (đích nằm ngang) - Ném trúng đích theo trò chơi “Ai nhiều điểm nhất” - Nhảy, ném trúng đích theo trò chơi “Ai nhanh hơn”
	6	- Bò đích dắc	- Bò đích dắc qua 5 hộp - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu
	7	- Bò bằng bàn tay và bàn chân	- Cháu biết bò bằng bàn tay và bàn chân
	8	- Trườn sấp theo hướng thẳng kết hợp bò, trèo, chui qua chướng ngại vật	- Trườn sấp theo hướng thẳng kết hợp chui qua cổng - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm
	9	- Trèo lên, xuống thang	- Trèo lên xuống thang phối hợp chân nọ, tay kia - Trèo lên, xuống ghế cao 35cm
	10	- Chạy chậm	- Chạy chậm 100m - Chạy chậm 120m
	11	- Chạy theo trò chơi	- Chạy nhanh 20m theo trò chơi “Cướp cờ dân gian” - Chạy chui theo trò chơi “Thi xem tổ nào nhanh”

12	- Chuyển bóng	- Chuyển bóng theo tổ (Phải-trái) - Chuyển bóng theo tổ theo trò chơi “Chuyển bóng” - Chuyển bóng qua đầu, qua chân
13	- Tung bóng lên cao	- Tung bóng lên cao tập bắt bóng
14	- Bài tập tổng hợp	- Tổng hợp: Bật, đi, ném, chạy - Tổng hợp: Bật, đi, ném, chạy theo trò chơi “Ai nhanh hơn”
15	- Phát triển cơ tay và chân thông qua các trò chơi vận động có luật	- Cháu tham gia các trò chơi vận động, trò chơi dân gian phù hợp với độ tuổi nhằm phát triển cơ tay và chân.
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
16	- Cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá	- Biết tự mặc và cởi quần áo
17	- Phát triển cử động của bàn tay, cổ tay và các ngón tay	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay như múa, tạo hình - Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Thông qua hoạt động: Tô màu, vẽ, viết, nặn, xé dán... thực hiện bài tập khéo léo. - Thông qua thao tác rửa tay, lau mặt, chải đầu...
18	- Làm quen với một số công việc của người lớn	- Làm quen với công việc rửa ca, úp ca, giặt khăn, trải nệm gối, lau kệ đồ chơi...
19	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập, tập trung chú ý các hoạt động có chủ đích
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
20	- Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà. - Biết bốn nhóm thực phẩm. Nhu cầu dinh dưỡng để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh.
21	- Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn	- Biết cách chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản thông qua hoạt động bé tập làm nội trợ.

	giảm.	
22	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Cháu biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị béo phì. - Biết và không ăn những món ăn nguội lạnh, ôi thiu, những thức ăn không hợp vệ sinh.
23	- Có kỹ năng ăn uống một số loại quả	- Cháu có kỹ năng ăn uống một số loại quả như: Bỏ hạt, gọt vỏ, rửa sạch.....trước khi ăn
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
24	- Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	- Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước, biết giữ đôi tay sạch
25	- Rửa mặt, lau mặt bằng khăn ướt	- Cháu biết rửa mặt sạch sẽ và lau mặt đúng thao tác
26	- Biết chải tóc, giữ gìn đầu tóc gọn gàng.	- Cháu biết chải tóc và giữ gìn đầu tóc gọn gàng.
27	- Biết xúc miệng đánh răng và giữ gìn vệ sinh răng miệng sạch sẽ hàng ngày	- Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng - Kỹ năng đánh răng, lau mặt. - Thói quen đánh răng rửa mặt hàng ngày. - Giữ gìn vệ sinh răng miệng. đầu tóc mặt mũi...
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
28	Biết thực hiện một số thao tác, kỹ năng trong lao động tự phục vụ.	- Biết tự đi giày dép, xếp giày dép theo từng đôi đúng nơi quy định - Biết mặc quần áo, xếp quần áo ngay ngắn sau khi thay đồ ở trường.
29	Biết phối hợp cùng bạn và thực hiện một số thao tác, kỹ năng trong lao động tập thể.	- Biết phối hợp cùng bạn trong lao động tập thể như: lau rửa, sắp xếp kệ, đồ dùng đồ chơi, đồ dùng học tập gọn gàng, đúng nơi quy định, sắp xếp bàn ghế, nệm gối, phơi khăn, phơi ca...
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
30	- Biết, không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, chơi

			ngoài lòng đường, chuồng trại nuôi thú... - Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như: Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo...
	31	- Biết những kỹ năng cơ bản để đảm bảo an toàn khi đi du lịch	- Nhận biết được một số kỹ năng cơ bản để đảm bảo an toàn khi đi tham quan du lịch.
	32	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như: Cây nhọn, que, đinh, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hạt vào mũi... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người. - Biết được hành động đúng , hành động sai
	33	- Không đi theo, không nhận quà của người lạ và cách ứng phó khi bị thất lạc	- Trẻ có thói quen xin phép cô, ba -mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà - Không theo người lạ mặt ra khỏi trường. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm. - Biết kêu cứu, nói được tên ba mẹ và số điện thoại khi bị lạc - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, đuối nước, động vật cắn, ông đốt, tai nạn liên quan đến giao thông, vật sắc nhọn, các hạt hạt làm ngạt thở, điện giật...
	34	- Không đến gần người đang hút thuốc lá.	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi			

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	a) Khám phá khoa học	
	1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	
	35	- Nhận biết đặc điểm, quá trình phát triển, cách chăm sóc các loại thực vật, động vật, cách chăm sóc - Biết được đặc điểm, quá trình phát triển, cách chăm sóc các loại thực vật, động vật, cách chăm sóc
	36	- Nhận biết một số hiện tượng tự nhiên - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật các mùa trong năm: Mùa xuân, mùa hè, mùa đông và mùa thu
	37	- Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi... - Bé biết được các đặc điểm, tính chất cơ bản của nước, đá, đất, cát, sỏi...
	2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản	
	38	- Phân biệt được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại - Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại. - Biết giải thích khi loại bỏ đối tượng đó.
	3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	
	39	- Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Làm một số thử nghiệm, thích khám phá và đưa ra các câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về các sự vật hiện tượng xung quanh
	b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
	1. Nhận biết số đếm, số lượng	
	40	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Ôn, nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...).

	41	- Biết tách – gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
	2. Sắp xếp theo qui tắc		
	42	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.	- Biết so sánh và sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	3. So sánh hai đối tượng		
	43	- Biết cách đo độ dài, đo dung tích và nói kết quả đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
	4. Nhận biết hình dạng		
	44	- Nhận ra được các hình học theo yêu cầu.	- Nhận biết, gọi tên các hình học và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Nhận biết, gọi tên các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
	45	- Gọi tên và phân biệt các ngày trong tuần theo thứ tự	- Bé gọi tên được các ngày trong tuần theo thứ tự, biết được ngày đi học, đi làm, ngày nghỉ cuối tuần - Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. Nhận biết được hôm qua, hôm nay và ngày mai - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/ tuần.
	46	- Xác định được vị trí của một vật so với một vật khác.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

	47	- Biết được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
c) Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
	48	Biết được một số thông tin quan trọng về trường và lớp học của mình	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, các bác trong trường.
	49	- Biết được một số thông tin quan trọng về bản thân	- Các thông tin về cá nhân như: Họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân, trách nhiệm của bản thân trong gia đình, trong lớp học. - Đặc điểm, sở thích, các hoạt động của mình và bạn
	50	- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. - Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính - Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể
	51	- Biết được một số thông tin quan trọng về gia đình	- Các thông tin về gia đình: họ tên bố, mẹ, anh, địa chỉ, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, nhu cầu của gia đình
	52	- Biết được một số đặc điểm, thông tin về trường tiểu học	- Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật về trường tiểu học - Biết được một số thông tin quan trọng về trường tiểu học như: địa chỉ, tên trường, đặc điểm phòng học, dụng cụ, đồ dùng học tập...
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			

53	- Biết một số ngành nghề truyền thống và nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Cháu biết được tên gọi, công cụ và sản phẩm của một số nghề truyền thống và nghề phổ biến ở địa phương. - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống và nghề phổ biến ở địa phương.
54	Biết một số lễ hội đặc sắc, đặc trưng của vùng miền, địa phương	- Cháu biết tên gọi, ý nghĩa của số lễ hội đặc sắc, đặc trưng của vùng miền, địa phương, quê hương của bé
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
55	Biết được một số đặc điểm nổi bật của các ngày hội ngày lễ,	- Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật và ý nghĩa các ngày hội ngày lễ.
56	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của các cảnh đẹp quê hương.	- Biết tên gọi, đặc điểm nổi bật và ý nghĩa các ngày hội ngày lễ, các cảnh đẹp quê hương ở địa phương, vùng miền
57	Biết được một số đặc điểm nổi bật về Bác và quê hương của Bác	- Biết được các đặc điểm nổi bật về Bác và quê hương của Bác
Khám phá xã hội		
58	- Nhận biết và phân loại đồ dùng đồ chơi quen thuộc	- Biết được tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo và công dụng của đồ dùng đồ chơi... - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
59	- Nhận biết tên gọi, đặc điểm của các môn thể thao và dụng cụ thể thao.	- Cháu biết được tên gọi, đặc điểm của các môn thể thao - Cháu biết được công dụng, cách sử dụng đồ dùng của các môn thể thao khi chơi.
60	- Phương tiện giao thông (Đặc điểm, phân nhóm, ...)	- Cháu biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông, biết phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động.
61	- Nhận biết được một số biển báo và luật giao thông.	- Cháu biết và nắm được 1 số luật giao thông và qui định của các biển báo giao thông.
62	- Biết một số địa điểm	- Cháu biết tên gọi và đặc điểm nổi bật

		công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	của một số địa điểm công cộng tại địa phương - Một số hoạt động ở các khu công cộng trẻ biết.
	63	Thích đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần biết	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát...
	64	Diễn đạt được mối quan hệ nguyên nhân và kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày	- Biết quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự việc. - Bé biết thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	65	- Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện ...	- Bé biết thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
	66	- Lựa chọn thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	- Biết lựa chọn cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. - Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	1. Nghe hiểu lời nói		
	67	- Kể lại câu chuyện phù hợp với nội dung, nhân vật	- Biết kể lại câu chuyện, kể tên nhân vật với giọng điệu phù hợp. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác
	68	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe. - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ

69	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp
70	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
71	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt. - Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt.
72	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
73	Nghe và nói rõ ràng	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
74	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông...
75	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

76	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
77	- Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó, nội dung chuyện đã nghe để người khác hiểu được;	- Biết dùng lời nói để diễn tả, kể lại một sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến.
78	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
79	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp	Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
80	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
81	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép. Các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
82	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
83	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết

		thức.
3. Làm quen với đọc, viết		
84	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
85	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...) - Xem, nghe đọc và tự “đọc” sách. - Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (Lật sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
86	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...)
87	- Có một số hành vi như người đọc sách;	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
88	- “Đọc” theo truyện tranh đã biết;	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Đọc truyện qua tranh vẽ.
89	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
90	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, hướng viết các nét chữ. - Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

	91	- Biết “viết” chữ, viết tên của bản thân theo cách của mình	- Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình - Hướng viết của các nét chữ. - Tô, đồ các nét chữ cái đã học, các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô.
	92	- Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Làm quen với các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. - Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt. Phân biệt chữ cái và chữ số.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	1. Thể hiện ý thức về bản thân		
	93	- Có một số thói quen hành vi văn minh.	- Cháu có thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp....
	94	- Có thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân.	- Cháu biết giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp.
	95	- Biết được khả năng và sở thích riêng của bản thân	- Cháu biết sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
	2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
	96	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	97	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học - Hoàn thành công việc được giao
	98	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày	- Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.

	99	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
	100	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.
	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
	101	- Nhận biết và bộc lộ các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của mình	- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình... - Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên, cảnh đẹp quê hương, con vật
	102	- Biết thể hiện tình yêu quê hương đất nước và Bác Hồ kính yêu	- Biết thể hiện tình yêu của mình với quê hương đất nước, con người và với Bác Hồ kính yêu
	103	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
	104	- Thể hiện tình cảm yêu thương Bác Hồ.	- Cháu biết kính yêu Bác Hồ
	4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
	105	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	- Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh.
	106	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. - Biết an ủi và chung vui với người thân

			và gia đình.
107	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi	
108	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp	
109	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi	- Chơi thân thiện với bạn, Chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, Trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.	
110	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.	
111	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên	- Thích chơi cùng với các bạn, Cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi	
112	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học. - Nề nếp thói quen trong học tập, sinh hoạt.	
113	- Lắng nghe ý kiến của người khác	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.	
114	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động.	

			trong nhóm chơi.
115	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè		- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn
116	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn		- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
117	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.		- Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi)
118	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác		- Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người...
119	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		- Cháu biết khi đến các khu di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước phải biết tôn kính và giữ gìn....
120	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.		- Cháu biết một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. -Phân biệt hành vi "đúng"- "sai" "tốt"- "xấu"
121	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn		- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
122	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng", "sai", "tốt", "xấu". - Nhận ra hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây.
123	- Có hành vi bảo vệ môi		- Thói quen bỏ rác vào thùng, Cát dọn

		trường trong sinh hoạt hàng ngày.	đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, Tham gia quét, dọn vệ sinh lớp. - Tiết kiệm điện nước. - Chăm sóc cây xanh trong lớp.
	124	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn. (về giới tính, vóc dáng, màu da, Gia đình giàu có, gia đình nghèo...) - Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân - Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình, ở lớp, ở trường
	125	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự cộng bằng trong nhóm bạn - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn
	126	- Cư xử đúng mực với mọi người	- Biết cách giao tiếp, hành động đúng mực với mọi người xung quanh
	5. Quan tâm đến môi trường		
	127	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển - Biết thể hiện tình cảm với các con vật Cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như: Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây ...
	Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
	128	- Biết được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích và khả năng của người thân.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
	129	- Gấp các loại giấy tạo ra sản phẩm	- Có kỹ năng gấp cơ bản, miết giấy để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu.
	130	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.

131	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra cái đẹp trong nghệ thuật như: Tạo hình, âm nhạc.
132	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát và vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp)
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
133	- Vẽ, tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi. - Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích
134	- Cắt, xé, dán theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt, xé theo đường thẳng, đường cong. - Cắt, xé rời các hình trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ. - Dán hình theo ý thích, dán vào vị trí qui định, không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
135	- Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát, vận động, Nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi.
136	- Hát và vận động đúng giai điệu bài hát trẻ em	- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
137	- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.

	138	- Biết sử dụng các vật liệu và phối hợp các kỹ năng khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm. - Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
	139	- Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	- Vẽ, xé dán, nặn một số sản phẩm tạo hình theo đề tài, theo ý thích. - Nói lên ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	140	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn) - Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...

C/ PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

I. NHÀ TRẺ: Nhóm 25 – 36 tháng tuổi (11 chủ đề)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TUẦN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	HỌC KÌ I (18 TUẦN) TRƯỜNG MN TUỔI XANH CỦA BÉ (4 Tuần)	09/09/2024 – 04/10/2024	1	Trường mầm non của bé (Ngày hội đến trường của bé)	09/09/2024 - 13/09/2024
			2	Bé vui trung thu (Ngày hội trăng rằm của bé thứ 3 ngày 17/9)	16/09/2024 - 20/09/2024
			3	Bé và cô	23/09/2024 - 27/09/2024
			4	Bé và các bạn	30/09/2024 - 04/10/2024
2	BẢN THÂN (3 Tuần)	07/10/2024 - 25/10/2024	5	Bé là ai	07/10/2024 - 11/10/2024
			6	Đồ dùng của bé (Sinh hoạt ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, thứ 6)	14/10/2024 - 18/10/2024
			7	Đồ dùng trong GD bé có gì?	21/10/2024 - 25/10/2024
3	GIA ĐÌNH (4 Tuần)	28/10/2024 - 22/11/2024	8	Công việc của những người thân trong gia đình của bé	28/10/2024 - 01/11/2024
			9	Đồ dùng để nấu	04/11/2024 - 08/11/2024
			10	Đồ dùng ăn uống	11/11/2024 - 15/11/2024
			11	Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình bé (Thứ 3, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	18/11/2024 - 22/11/2024
4	PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG (4 Tuần)	25/11/2024 - 20/12/2024	12	Phương tiện giao thông đường bộ	25/11/2024 - 29/11/2024
			13	Phương tiện đường sắt	02/12/2024 - 06/12/2024
			14	Phương tiện đường thủy	09/12/2024 - 13/12/2024
			15	Phương tiện đường hàng không (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)	16/12/2024 - 20/12/2024
5	HỌC KỲ II (17 TUẦN) THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 Tuần)	23/12/2024 - 17/01/2025	16	Vườn hoa muôn màu	23/12/2024 - 27/12/2024
			17	Mừng đón Noel	30/12/2024 - 03/01/2025
			18	Các loại quả bé thích	06/01/2025 - 10/01/2025
			19	Đố bé quả gì	13/01/2025 -

					17/01/2025
6	MÙA XUÂN VÀ TẾT CỔ TRUYỀN (3 Tuần) Ngày Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)		20	Các loại hoa trong ngày tết	20/01/2025 - 24/01/2025
			NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (1 tuần) Từ 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)		27/01/2025-02/02/2025
			20/01/2025 - 14/02/2025	21	Các loại bánh mứt trong ngày tết
				22	Mâm ngũ quả ngày tết
7	HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	17/02/2025 - 07/03/2025	23	Các nguồn nước	17/02/2025 - 21/02/2025
			24	Thiên nhiên và các hiện tượng (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	24/02/2025 - 28/02/2025
			25	Đất- Cát - Sỏi- Đá	03/03/2025 - 07/03/2025
8	ĐỘNG VẬT (4 tuần)	10/03/2025 - 04/04/2025	26	Đồ bé con vật gì?	10/03/2025 - 14/03/2025
			27	Những con vật biết bay	17/03/2025 - 21/03/2025
			28	Những con vật sống trong rừng (Thứ 6, ngày 04/04 sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	24/03/2025 - 28/03/2025
			29	Các con vật sống dưới nước	31/03/2025 - 04/04/2025
9	NGÀNH NGHỀ (2 Tuần)	07/04/2025 - 18/04/2025	30	Bé thích đi xe gì?	07/04/2025 - 11/04/2025
			31	Đi đường bé nhớ?	14/04/2025 - 18/04/2025
10	BÁC HỒ VÀ CÁC CHÁU THIẾU NHI (2 tuần)	21/04/2025 - 09/05/2025	32	Bé yêu Bác Hồ!	21/04/2025 - 25/04/2025
			Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5 Thứ 4, Thứ 5.		28/04/2025 - 02/05/2025
			33	Bác Hồ và ngày sinh nhật Bác 19/5	05/05/2025 - 09/05/2025
11	MÙA HÈ (2 tuần)	12/05/2025 - 23/05/2025	34	Khí hậu mùa hè	12/5/2025 - 16/05/2025
			35	Bé Lên Mẫu Giáo	19/05/2025 - 23/05/2025

II. MẪU GIÁO

2.1. KHỐI MẦM (13 chủ đề)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TUẦN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	TRƯỜNG MN TUỔI XANH CỦA BÉ (3 Tuần)	HỌC KÌ I (18 TUẦN) 09/09/2024 - 27/09/2024	1	Ở trường bé có gì? (Ngày hội đến trường của bé)	09/9/2024 - 13/9/2024
			2	Tết trung thu rước đèn đi chơi (Ngày hội trăng rằm của bé tổ chức thứ 3 ngày 17/9)	16/9/2024 - 20/9/2024
			3	Đồ dùng, đồ chơi ở lớp	23/9/2024 - 27/9/2024
2	CÙNG TÌM HIỂU VỀ BÉ (2 Tuần)	30/09/2024 – 11/10/2024	4	Bé là ai ?	30/09/2024 - 04/10/2024
			5	Đồ dùng bé yêu!	07/10/2024 - 11/10/2024
3	GIA ĐÌNH (2 Tuần)	14/10/2024 - 25/10/2024	6	Gia đình bé yêu (Sinh hoạt ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, thứ 6)	14/10/2024 - 18/10/2024
			7	Nhu cầu của gia đình bé	21/10/2024 - 25/10/2024
4	THỂ THAO (2 Tuần)	28/10/2024 - 08/11/2024	8	Bé thích môn thể thao nào?	28/10/2024 - 01/11/2024
			9	Bé với dụng cụ thể thao	04/11/2024 - 08/11/2024
5	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 Tuần)	11/11/2024 - 06/12/2024	10	Bé yêu cây xanh	11/11/2024 - 15/11/2024
			11	Vườn hoa khoe sắc (Thứ 3, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	18/11/2024 - 22/11/2024
			12	Bé thích quả nào?	25/11/2024 - 29/11/2024
			13	Rau củ quanh bé	02/12/2024 - 06/12/2024
6	NGÀNH NGHỀ (2 Tuần)	09/12/2024 - 20/12/2024	14	Ba mẹ bé làm nghề gì?	09/12/2024 - 13/12/2024
			15	Sản phẩm của các nghề. (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)	16/12/2024 - 20/12/2024
7	HỌC KỲ II (17 TUẦN) THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 Tuần)	23/12/2024 - 17/01/2025	16	Mừng đón Noel	23/12/2024 - 27/12/2024
			17	Nhà bé nuôi những con gì?	30/12/2024 - 03/01/2025
			18	Thế giới côn trùng	06/01/2025 - 10/01/2025

			19	Các loài thú trong rừng	13/01/2025 - 17/01/2025
8	MÙA XUÂN VÀ TẾT CỔ TRUYỀN (3 Tuần) Ngày Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)	20/01/2025 - 14/02/2025	20	Hoa cỏ mùa xuân	20/01/2025 - 24/01/2025
			NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (1 tuần) Từ 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)		27/01/2025-02/02/2025
			21	Khí hậu mùa xuân	03/02/2025-07/02/2025
			22	Ngày tết quê em	10/2/2025-14/2/2025
9	AN TOÀN GIAO THÔNG (2 Tuần)	17/02/2025 - 28/02/2025	23	Bé thích đi xe gì?	17/02/2025 - 21/02/2025
			24	Đi đường bé nhớ? (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	24/02/2025 - 28/02/2025
10	HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 Tuần)	03/03/2025 - 21/03/2025	25	Các nguồn nước	03/03/2025 - 07/03/2025
			26	Thiên nhiên và các hiện tượng	10/03/2025 - 14/03/2025
			27	Đất-cát -sỏi-đá	17/03/2025 - 21/03/2025
11	QUÊ HƯƠNG VÀ CÁC CẢNH ĐẸP (4 Tuần)	24/03/2025 - 18/04/2025	28	Bình Dương nơi bé sống (Thứ 6, ngày 04/04 sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	24/03/2025 - 28/03/2025
			29	Làng nghề quê bé	31/03/2025 - 04/04/2025
			30	Thủ đô Hà Nội	07/04/2025 - 11/04/2025
			31	Các bãi biển đẹp	14/04/2025 - 18/04/2025
12	BÁC HỒ VÀ CÁC CHÁU THIẾU NHI (2 Tuần)	21/04/2025 - 09/05/2025	32	Bé yêu Bác Hồ!	21/04/2025 - 25/04/2025
				Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5 Thứ 4, Thứ 5	28/04/2025 - 02/05/2025
			33	Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	05/05/2025 - 09/05/2025
13	MÙA HÈ (2 Tuần)	12/05/2025 - 23/05/2025	34	Khí hậu mùa hè	12/5/2025 - 16/05/2025
			35	Hè bé đi chơi cùng gia đình	19/05/2025 - 23/05/2025

2.2. KHỐI CHÔI (13 chủ đề)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TUẦN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	TRƯỜNG MN TUỔI XANH CỦA BÉ (3 tuần)	HỌC KÌ I (18 TUẦN) 09/09/2024 - 27/09/2024	1	Lớp học của bé! (Ngày hội đến trường của bé)	09/9/2024 - 13/9/2024
			2	Bé vui tết trung thu (Ngày hội trăng rằm của bé tổ chức thứ 3 ngày 17/9)	16/9/2024 - 20/9/2024
			3	Cô giáo và các bạn của bé	23/9/2024 - 27/9/2024
2	CÙNG TÌM HIỂU VỀ BÉ (2 Tuần)	30/09/2024 - 11/10/2024	4	Sở thích của bé	30/09/2024 - 04/10/2024
			5	Thực phẩm giúp bé thông minh và khỏe mạnh	07/10/2024 - 11/10/2024
3	GIA ĐÌNH (2 Tuần)	14/10/2024 - 25/10/2024	6	Người thân của bé! (Sinh hoạt ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, thứ 6)	14/10/2024 - 18/10/2024
			7	Đồ dùng trong gia đình bé!	21/10/2024 - 25/10/2024
4	THỂ THAO (2 Tuần)	28/10/2024 - 08/11/2024	8	Thể thao và sức khỏe!	28/10/2024 - 01/11/2024
			9	Bé và quả bóng	04/11/2024 - 08/11/2024
5	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 Tuần)	11/11/2024 - 06/12/2024	10	Quá trình phát triển của cây	11/11/2024 - 15/11/2024
			11	Sắc màu của hoa (Thứ 3, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	18/11/2024 - 22/11/2024
			12	Các loại cây nào cho quả?	25/11/2024 - 29/11/2024
			13	Rau củ bé thích	02/12/2024 - 06/12/2024
6	NGÀNH NGHỀ (2 Tuần)	09/12/2024 - 20/12/2024	14	Các nghề bé biết!	09/12/2024 - 13/12/2024
			15	Ngành nghề bảo vệ an ninh tổ quốc	16/12/2024 - 20/12/2024
7	HỌC KỲ II (17 TUẦN) THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 Tuần)	23/12/2024 - 17/01/2025	16	Mừng đón Noel (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)	23/12/2024 - 27/12/2024
			17	Động vật nuôi trong gia đình	30/12/2024 - 03/01/2025
			18	Những con vật sống dưới nước	06/01/2025 - 10/01/2025
			19	Động vật sống trong rừng - Côn	13/01/2025 -

				trùng	17/01/2025
8	MÙA XUÂN VÀ TẾT CỔ TRUYỀN (3 Tuần) Ngày Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)	20/01/2025 - 14/02/2025	20	Cảnh vật mùa xuân	20/01/2025 - 24/01/2025
		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (1 tuần) Từ 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)			27/01/2025-02/02/2025
			21	Tết trời mùa xuân	03/02/2025-07/02/2025
			22	Tết sum vầy	10/2/2025-14/2/2025
9	AN TOÀN GIAO THÔNG (2 tuần)	17/02/2025 – 28/02/2025	23	Phương tiện giao thông	17/02/2025 - 21/02/2025
			24	Bé học luật giao thông (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	24/02/2025 - 28/02/2025
10	HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	03/03/2025 - 21/03/2025	25	Không khí quanh ta	03/03/2025 - 07/03/2025
			26	Nước và những điều thú vị	10/03/2025 - 14/03/2025
			27	Đất - Cát - Sỏi - Đá	17/03/2025 - 21/03/2025
11	QUÊ HƯƠNG VÀ CÁC CẢNH ĐẸP (4 tuần)	24/03/2025 - 18/04/2025	28	Cảnh đẹp, di tích lịch sử quê em (Thứ 6, ngày 04/04 sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	24/03/2025 - 28/03/2025
			29	Các ngành nghề truyền thống	31/03/2025 - 04/04/2025
			30	Thủ đô yêu mến!	07/04/2025 - 11/04/2025
			31	Biển và đảo	14/04/2025 - 18/04/2025
12	BÁC HỒ VÀ CÁC CHÁU THIẾU NHI (2 tuần)	21/04/2025 - 09/05/2025	32	Bác Hồ kính yêu	21/04/2025 - 25/04/2025
				Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5 Thứ 4, Thứ 5.	28/04/2025 - 02/05/2025
			33	Bác Hồ và các cháu thiếu nhi	05/05/2025 - 09/05/2025
13	MÙA HÈ (2 tuần)	12/05 - 23/05/2025	34	Hoạt động mùa hè	12/5/2025 - 16/05/2025
			35	Bé yêu mùa hè	19/05/2025 - 23/05/2025

2.3. KHỐI LÁ (13 chủ đề)

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TUẦN	TÊN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	HỌC KÌ I (18 TUẦN) TRƯỜNG MN TUỔI XANH CỦA BÉ (3 Tuần)	09/09/2024 - 27/09/2024	1	Trường Tuổi Xanh thân yêu (Ngày hội đến trường của bé)	09/9/2024 - 13/9/2024
			2	Vui hội trăng rằm (Ngày hội trăng rằm của bé tổ chức thứ 3 ngày 17/9)	16/9/2024 - 20/9/2024
			3	Lớp học thân yêu	23/9/2024 - 27/9/2024
2	CÙNG TÌM HIỂU VỀ BÉ (2 Tuần)	30/09/2024 - 11/10/2024	4	Sự khác biệt của bé và bạn!	30/09/2024 - 04/10/2024
			5	An toàn với bản thân bé!	07/10/2024 - 11/10/2024
3	GIA ĐÌNH (2 Tuần)	14/10/2024 - 25/10/2024	6	Niềm vui trong gia đình bé (Sinh hoạt ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, thứ 6)	14/10/2024 - 18/10/2024
			7	Nhà bé cần những đồ dùng nào?	21/10/2024 - 25/10/2024
4	THỂ THAO (2 Tuần)	28/10/2024 - 08/11/2024	8	Bé yêu thể thao	28/10/2024 - 01/11/2024
			9	Tranh tài cùng bé	04/11/2024 - 08/11/2024
5	THẾ GIỚI THỰC VẬT (4 Tuần)	11/11/2024 – 06/12/2024	10	Cây xanh và những lợi ích	11/11/2024 - 15/11/2024
			11	Thế giới loài hoa (Thứ 3, sinh hoạt ngày hội ngày lễ 20/11)	18/11/2024 - 22/11/2024
			12	Vườn cây ăn quả	25/11/2024 - 29/11/2024
			13	Rau củ quanh ta	02/12/2024 - 06/12/2024
6	HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 Tuần)	09/12/2024 - 27/12/2024	14	Thiên nhiên và những điều thú vị	09/12/2024 - 13/12/2024
			15	Sự nổi giận của thiên nhiên (Thứ 6 Sinh hoạt ngày 22/12)	16/12/2024 - 20/12/2024
			16	Giáng sinh an lành	23/12/2024 - 27/12/2024
7	NGÀNH NGHỀ (2 Tuần)	30/12/2024 - 10/01/2025	17	Các ngành nghề quanh bé	30/12/2024 - 03/01/2025
			18	Ngành hàng không!	06/01/2025 - 10/01/2025
8	HỌC KỲ II	13/01/2025 -	19	Sắc xuân	13/01/2025 -

	(17 TUẦN) MÙA XUÂN VÀ TẾT CỔ TRUYỀN (3 Tuần) Ngày Tết Nguyên Đán (Lồng ghép giáo dục qua các hoạt động phù hợp)	24/01/2025			17/01/2025
			20	Không khí mùa xuân	20/01/2025 - 24/01/2025
8		NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN (1 tuần) Từ 25/01/2025 (25 Âm lịch) đến 02/02/2025 (Mùng 5)			27/01/2025-02/02/2025
			21	Các phong tục ngày tết	03/02/2025-07/02/2025
9	AN TOÀN GIAO THÔNG (2 Tuần)	10/02/2025 - 21/02/2025	22	Thế giới ô tô!	10/2/2025-14/2/2025
			23	Bé và luật giao thông	17/02/2025 - 21/02/2025
10	THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT (4 Tuần)	24/02/2025 - 21/03/2025	24	Những người bạn của nhà nông (Thứ 6 sinh hoạt ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	24/02/2025 - 28/02/2025
			25	Khám phá đại dương	03/03/2025 - 07/03/2025
			26	Thế giới loài kiến	10/03/2025 - 14/03/2025
			27	Động vật hoang dã	17/03/2025 - 21/03/2025
11	QUÊ HƯƠNG VÀ CÁC CẢNH ĐẸP (4 Tuần)	24/03/2025 - 18/04/2025	28	Bình Dương và những lễ hội (Thứ 6, ngày 04/04 sinh hoạt ngày giỗ tổ Hùng Vương mừng 10/3)	24/03/2025 - 28/03/2025
			29	Danh lam thắng cảnh	31/03/2025 - 04/04/2025
			30	Hà Nội và các cảnh đẹp	07/04/2025 - 11/04/2025
			31	Biển đảo quê hương	14/04/2025 - 18/04/2025
12	BÁC HỒ VÀ CÁC CHÁU THIẾU NHI (2 Tuần)	21/04/2025 - 09/05/2025	32	Bác Hồ của bé	21/04/2025 - 25/04/2025
				Nghỉ lễ 30/4 và QTLĐ ngày 1/5 Thứ 4, Thứ 5.	28/04/2025 - 02/05/2025
			33	Bé thăm lăng Bác Hồ	05/05/2025 - 09/05/2025
13	TRƯỜNG TIỂU HỌC (2 Tuần)	12/05/2025 - 23/05/2025	34	Trường Tiểu Học	12/5/2025 - 16/05/2025
			35	Bé chuẩn bị vào lớp 1	19/05/2025 - 23/05/2025

D/ PHẦN 4: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT VÀ THỜI GIAN BIỂU

I. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

➤ Khối Nhà trẻ

THỜI GIAN	SỐ PHÚT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY
6^h 20 → 7^h 00	40	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRẺ - TRÒ CHUYỆN
7^h 00 → 7^h 10	10	ĐIỂM DANH – THÊ DỤC SÁNG
7^h 10 → 7^h 45	35	VỆ SINH - ĂN SÁNG
7^h 45 → 7^h 55	10	VỆ SINH SAU KHI ĂN SÁNG-CHƠI TỰ DO
7^h 55 → 8^h 15	20	CHUẨN BỊ - TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÓ CHỦ ĐÍCH
8^h 15 → 8^h 30	15	VỆ SINH – UỐNG SỮA
8^h 30 → 9^h 10	40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI
9^h 10^h → 9^h 20	10	VỆ SINH – CHUẨN BỊ HĐVC
9^h 20 → 10^h 00	40	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI
10^h 00 → 10^h 20	20	VỆ SINH-CHUẨN BỊ ĂN TRƯA
10^h 20 → 11^h 10	50	ĂN TRƯA
11^h 10 → 11^h 30	20	VỆ SINH SAU KHI ĂN TRƯA-CHƠI TỰ DO
11^h 30 → 14^h 00	150	NGỦ TRƯA
14g00 → 14g15	15	VỆ SINH – ĂN XÉ
14g15 → 14g55	40	HOẠT ĐỘNG CHIỀU
14g55 → 15g55	60	VỆ SINH - ĂN CHIỀU – VỆ SINH
15g55 → 16g10	15	CHƠI TỰ DO

16g10 → 16g30	30	TRẢ TRẺ
----------------------	----	---------

➤ **Khởi Mẫu giáo**

THỜI GIAN	SỐ PHÚT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀY
6^h 20 → 7^h 00	40	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRẺ - TRÒ CHUYỆN
7^h 00 → 7^h 15	15	ĐIỂM DANH – THỂ DỤC SÁNG
7^h15 → 7^h 45	30	VỆ SINH – ĂN SÁNG
7^h45 → 7^h 50	05	VỆ SINH SAU ĂN SÁNG- CHƠI TỰ DO
7^h50 → 8^h30	40	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI
8^h30 → 8^h40	10	VỆ SINH – UỐNG SỮA
8^h40 → 9h10	30	HOẠT ĐỘNG CÓ CHỦ ĐÍCH
9h10^h → 10^h00	50	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI
10^h00 → 10^h 30	30	VỆ SINH-CHUẨN BỊ ĂN TRƯA
10^h 30 → 11^h 10	40	ĂN TRƯA
11^h 10 → 11^h 30	20	VỆ SINH SAU KHI ĂN TRƯA-CHƠI TỰ DO
11^h 30 → 14^h 00	150	NGỦ TRƯA
14g00 → 14g10	10	VỆ SINH – ĂN XÉ
14g10 → 15g10	60	HOẠT ĐỘNG CHIỀU
15g10 → 15g45	35	VỆ SINH - ĂN CHIỀU - VỆ SINH
15g45 → 16g15	30	NÊU GƯƠNG
16g15 → 16g30	30	TRẢ TRẺ

II. THỜI GIAN BIỂU

➤ *Khởi Nhà trẻ*

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6 ^h 20 → 7 ^h 00	VỆ SINH LỚP - ĐÓN TRẺ - TRÒ CHUYỆN				
7 ^h 00 → 7 ^h 10	ĐIỂM DANH – THẺ DỤC SÁNG				
7 ^h 10 → 7 ^h 45	VỆ SINH – ĂN SÁNG				
7 ^h 45 → 7 ^h 55	VỆ SINH SAU KHI ĂN SÁNG –CHƠI TỰ DO				
7 ^h 55→ 8 ^h 15 (Hoạt động 1)	HOẠT ĐỘNG CÓ CHỦ ĐÍCH (Thứ 2, thứ 4 có hai hoạt động)				
	THƠ	NBTN	KỂ CHUYỆN	NBPB	TẠO HÌNH
8 ^h 30 → 8 ^h 45 (Hoạt động 2)	GDÂN		VẬN ĐỘNG		
8 ^h 15 → 8 ^h 30	VỆ SINH – UỐNG SỮA				
8 ^h 30 → 9 ^h 10	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9 ^h 10 → 10 ^h 00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10 ^h 00→ 10 ^h 20	VỆ SINH-CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10 ^h 20→ 11 ^h 10	ĂN TRƯA				
11 ^h 10→ 11 ^h 30	VỆ SINH SAU KHI ĂN TRƯA - CHƠI TỰ DO				
11 ^h 30→14 ^h 00	NGỦ TRƯA				
14g00 →14g15	VỆ SINH – ĂN XÉ				
14g15 → 14g55	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	Ôn thơ	HD Trò chơi mới	Hoạt động với đồ vật	Ôn chuyện	Ôn bài thơ bài hát theo chủ đề
14g55 → 15g55	VỆ SINH-ĂN CHIỀU-VỆ SINH				
15g55 → 16g10	CHƠI TỰ DO				
16g10 → 16g30	TRẢ TRẺ				

➤ **Khối Mầm**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6g20-6g30	VỆ SINH CHUẨN BỊ ĐÓN TRẺ				
6g30-7g00	ĐÓN TRẺ				
7g00-7g15	THỂ DỤC SÁNG				
7g15- 7g45	VỆ SINH – ĂN SÁNG				
7g45- 7g50	VỆ SINH SAU ĂN SÁNG –CHƠI TỰ DO				
7g50 -8g30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8g30 – 8g40	VỆ SINH – UÔNG SỮA – CHUẨN BỊ GIỜ HỌC				
8g40-9g00 (Hoạt động 1)	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	HĐKP	TDGH (M1)	LQVH /PTNN	TDGH (M2)	LQVT
9g00-9g20 (Hoạt động 2)	GDÂN (M1)	TẠO HÌNH (M2)		TẠO HÌNH (M1)	GDÂN (M2)
9g00-10g00 Hoặc 9g20-10g00 (đối với ngày 2 HĐ)	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g00-10g30	VỆ SINH - CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g30-11g10	ĂN TRƯA				
11g10-11g30	VỆ SINH SAU KHI ĂN-CHƠI TỰ DO				
11g30-14g00	NGỦ TRƯA				
14g00-14g10	VỆ SINH SAU KHI NGỦ DẬY-ĂN XE				
14g10–14g40	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	ÔN LUYỆN KỸ NĂNG THNTH (CUỐI CHỦ ĐỀ)	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	SHTT+ LĐTĐ (TỔ CHỨC NHNL Ở LỚP)
14g40–15g10	HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI MỚI	THAO TÁC VỆ SINH	LQCC	ÔN GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG	
15g10 –15g45	VỆ SINH TRƯỚC KHI ĂN- ĂN CHIỀU-VỆ SINH SAU KHI ĂN				
15g45– 16g10	NÊU GƯƠNG – CHƠI TỰ DO				
16g10 –16g30	TRẢ TRẺ				

➤ **Khởi Chôi**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6g20-6g30	VỆ SINH CHUẨN BỊ ĐÓN TRẺ				
6g30-7g00	ĐÓN TRẺ				
7g00-7g15	THỂ DỤC SÁNG				
7g15- 7g45	VỆ SINH - ĂN SÁNG				
7g45- 7g50	VỆ SINH SAU ĂN SÁNG –CHƠI TỰ DO				
7g50 -8g30	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
8g30 – 8g40	VỆ SINH – UỐNG SỮA - CHUẨN BỊ GIỜ HỌC				
8g40-9g05 (Hoạt động 1)	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	TẠO HÌNH (C1) TDGH (C2)	GDÂN (C1)	GDÂN (C2)	GDÂN (C3)	TDGH (C1)
9g05-9g30 (Hoạt động 2)	LQVH/ PTNN (C3)	LQVT	LQVH/ PTNN (C1, C2) TDGH (C3)	HĐKP	TẠO HÌNH (C2, C3)
9g05-10g00 (Hoạt động 1) 9g30-10g10 (Hoạt động 2)	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g00-10g30	VỆ SINH - CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g30-11g10	ĂN TRƯA				
11g10-11g30	VỆ SINH SAU KHI ĂN-CHƠI TỰ DO				
11g30-14g00	NGỦ TRƯA				
14g00-14g10	VỆ SINH SAU KHI NGỦ DẬY – ĂN XÉ				
14g10–14g40	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	ÔN LUYỆN KỸ NĂNG THNTH (CUỐI CHỦ ĐỀ)	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	SHTT+LĐTT (TỔ CHỨC NHNL Ở LỚP)
14g40–15g10	HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI MỚI	THAO TÁC VỆ SINH	LQCC	ÔN GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG	
15g10 –15g45	VỆ SINH TRƯỚC KHI ĂN- ĂN CHIỀU-VỆ SINH SAU KHI ĂN				
15g45– 16g15	NÊU GƯƠNG – CHƠI TỰ DO				
16g15 –16g30	TRẢ TRẺ				

➤ **Khối Lá**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
6g20-6g30	VỆ SINH CHUẨN BỊ ĐÓN TRẺ				
6g30-7g00	ĐÓN TRẺ				
7g00-7g15	THỂ DỤC SÁNG				
7g15- 7g45	VỆ SINH - ĂN SÁNG				
7g45- 7g50	VỆ SINH SAU ĂN SÁNG –CHƠI TỰ DO				
7g50 -8g20 (Hoạt động 1)	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	PTNN + LQVH	TẠO HÌNH (L1,L3,L4) TDGH (L2)	HĐKP LQVT (L3)	LQCV (L1,L2,L3) TDGH (L4)	LQVT (L1,L2, L4) TDGH (L3)
8g20 - 8g30	VỆ SINH – UỐNG SỮA				
8g30 - 9g10	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9g10 - 9g15	VỆ SINH CHUẨN BỊ GIỜ HỌC				
9g15 - 9g45 (Hoạt động 2)	HOẠT ĐỘNG HỌC				
	TẠO HÌNH (L2) TDGH (L1)	GDÂN (L1)	GDÂN (L2)	GDÂN (L3)	GDÂN (L4)
9g15 - 10g00 Hoặc 9g45-10g15 (đối với ngày 2 HĐ)	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10g00-10g30	VỆ SINH-CHUẨN BỊ ĂN TRƯA				
10g30-11g10	ĂN TRƯA				
11g10-11g30	VỆ SINH SAU KHI ĂN - CHƠI TỰ DO				
11g30-14g00	NGỦ TRƯA				
14g00-14g10	VỆ SINH SAU KHI NGỦ DẬY – ĂN XE				
14g10–14g40	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	HỌC NGOẠI KHÓA/ ÔN LUYỆN KỸ NĂNG	SHTT + LĐT (TỔ CHỨC NHNL Ở LỚP)
14g40 – 15g10	HƯỚNG DẪN TRÒ CHƠI MỚI	THAO TÁC VỆ SINH	THNTH (CUỐI CHỦ ĐỀ)	ÔN GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG	

15g10 –15g45	VỆ SINH TRƯỚC KHI ĂN- ĂN CHIỀU-VỆ SINH SAU KHI ĂN
15g45 – 16g15	NÊU GƯƠNG
16g15 –16g30	CHƠI TỰ DO - TRẢ TRỀ

Trên đây là kế hoạch giáo dục trường mầm non Tuổi Xanh năm học 2024-2025./.

KÝ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Mỹ Duyên

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Lan